Kinh tạng Pali

(Pali Nikaya)

HT. THÍCH MINH CHÂU

Việt dịch

Ấn bản năm 1991

Phân loại theo chủ đề:

CHƠN TÍN TOÀN

NIKAYA PHÂN LOẠI - CHỦ ĐỀ 340

THÂN KIẾN

340

Chịu trách nhiệm chính tả:

TÂM MINH ANH

Ấn bản điện tử 2018

MỤC LỤC

DẪN NHẬP

1. *Lời giới thiệu*

- *Sau khi nhận thấy tính thực tế, gần gũi, dễ hiểu và trí tuệ tuyệt diệu trong những bài kinh của bộ ĐẠI TẠNG KINH VIỆT NAM do Hoà Thượng Thích Minh Châu dịch trực tiếp từ Kinh Tạng Pali, chúng tôi nhận thấy rằng những bộ kinh này là những thực tế tuyệt diệu trong cuộc sống và nếu những bài kinh này không được tiếp cận và áp dụng trong cộng đồng Phật tử thì thật là một thiệt thòi cho những người con của Phật.*
- *Ví như một người khi nếm được hương vị tuyệt vời của một chiếc bánh ngon, lòng nghĩ tới những người thân thương của mình và đem đến mời họ cùng ăn với mình, đó chính là tâm niệm của chúng tôi khi thực hiện công việc này. Chúng tôi với tấm lòng chân thành sâu sắc cầu mong cho mọi người cùng có thể tiếp cận được với Kinh Tạng Pali (kinh Nikaya) và tìm được chân đứng trong bộ kinh này.*
- *Vì vậy, nhằm giới thiệu bộ kinh Nikaya đến với cộng đồng Phật tử ở khắp nơi và nhằm giúp cho quý đạo hữu dễ dàng tiếp cận với kinh Nikaya nên trong phiên bản vi tính này chúng tôi đã mạo muội cẩn thận* ***đánh***

***dấu,* tô màu** *những điểm căn bản và trọng tâm trong các bài kinh để quý đọc giả có thể nhanh chóng nắm hiểu được nội dung, ý nghĩa và những điểm quan trọng của bài kinh. Công việc này đã được chúng tôi thực hiện dựa trên sự thấy biết và kinh nghiệm thực hành của bản thân, quý đạo hữu cố gắng đọc đi đọc lại và suy nghiệm kỹ từng lời kinh rồi đem áp dụng thực hành để có thể tự mình thành tựu Tuệ giác như Đức Phật đã chỉ dạy.*

2. ***Lợi ích của việc nghiên cứu học hỏi bộ kinh này là gì?***

– *Đi thẳng vào lời dạy của Đức Phật, tiếp cận trực tiếp với những lời dạy nguyên chất của Đức Phật khi Ngài còn tại thế, tránh được sự truyền tải ý nghĩa giáo pháp có khi đúng, có khi lệch của các vị này vị kia, tránh được việc đến với đạo Phật nhưng nhìn nhận và hiểu biết đạo Phật thông qua lăng kính của người khác.*

– *Biết được với những sự kiện đã từng xảy ra trong thời kỳ Đức Phật còn tại thế như: hoàn cảnh xã hội thời đó, đời sống thực tế của Đức Phật và các cuộc thuyết giảng Chánh Pháp của Ngài.*

– *Trí tuệ được mở rộng, biết được đôi phần về trí tuệ thâm sâu vi diệu của Đức Phật qua các bài thuyết*

giảng của Ngài và qua các cuộc cật vấn, chất vấn của ngoại đạo.

- *Được làm quen với các Pháp học và Pháp hành mà Đức Phật đã trình bày dưới nhiều hình thức đa dạng khác nhau. Học hỏi được nhiều cách tu tập, nhiều phương diện tu tập, không bị hạn chế bó buộc trong một phương diện tu tập theo một trường phái nào.*
- *Có được một cái nhìn trực tiếp, trực diện đối với Chánh Pháp, giúp cho người tu tập không đi lệch ra ngoài Chánh Pháp, không làm uổng phí thời gian và công sức mà người tu tập đã bỏ ra để nghiên cứu tìm hiểu học hỏi và thực hành Phật Pháp, giúp cho nhiệt tình và ước nguyện của người tu học chân chánh được thành đạt, có kết quả tốt đẹp và lợi ích thiết thực ngay trong đời sống hiện tại.*
- *Có được đầy đủ những phương tiện để thực hiện Pháp học vàPháp hành, biết rõ những gì mình cần phải làm trên con đường đi đến sự chấm dứt khổ đau.*
- *Trong khi đọc, nghe, nghiên cứu, học hỏi các bản kinh thì tâm được an trú vào trong Chánh Tri Kiến, tham sân si được vắng mặt trong lúc ấy, tâm được an trú vào trong Chánh Pháp.*

– *Ngay trong hiện tại gieo kết được những thiện duyên tốt lành đối với Chánh Pháp của Đức Phật, có thể thẳng tiến đến việc tu tập sự giải thoát sanh tử ngay trong kiếp hiện tại. Nhưng nếu ngay trong hiện tại không đạt được sự giải thoát thì những thiện duyên này sẽ giúp được cho các đời sau: khi được sanh ra, tâm luôn hướng về sự tìm cầu Chánh Pháp, yêu thích tìm kiếm những lời dạy nguyên gốc của Đức Phật, và đồng thời tâm cũng luôn hướng về sự không ưa thích đối với các tà Pháp, tránh xa các tà thuyết không chân chánh, không có cảm xúc cảm tình đối với các tà đạo, tránh được các con đường tu tập sai lệch làm uổng phí công sức và tâm nguyện của người tu tập mà vẫn không đạt được sự giải thoát khổ đau.*

– *Trong quá trình học hỏi nghiên cứu cẩn thận các bản kinh này thì Chánh Tri Kiến đi đến thành tựu đầy đủ, Giới Hạnh đi đến thành tựu đầy đủ, ba kiết sử Thân Kiến, Hoài Nghi, Giới Cấm Thủ được đoạn tận, chứng được Dự Lưu Quả, là bậc Dự Lưu, chỉ còn tái sanh tối đa là bảy lần giữa chư Thiên và loài người, không còn bị đọa vào trong các đường ác sanh như địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.*

– *Khi thân hoại mạng chung nếu bị thất niệm, tâm không được tỉnh giác, thì khi tái sanh đời sau, lúc đầu*

không nhớ được đạo pháp, nhưng sau đó sẽ có những nhân duyên đưa đến giúp cho tâm trí từ từ nhớ lại và tiếp tục tu tập trong vòng tối đa bảy lần tái sanh là sẽ đi đến sự chứng đạt được tâm hoàn toàn tịch lặng thoát ly sanh tử, thoát ly đau khổ, thoát khỏi mọi ràng buộc, phiền não đối với ***năm thủ uẩn.***

3. Lòng tri ân

- *Chúng ta, những người đến với đạo thoát ly sanh tử của Đức Phật sau khi Ngài nhập diệt đã trên 2500 năm, nhưng may mắn quá lớn cho chúng ta đó là việc chúng ta vẫn còn được thấy, được gặp, được học hỏi và được hành trì theo những bản kinh nguyên chất truyền thống của Đức Phật. Xin hạnh phúc tri ân sự may mắn này của mình và xin chân thành vô lượng cung kính tri ân Hòa Thượng Thích Minh Châu, người đã bỏ nhiều thời gian, nhiều tâm huyết để làm cho Chánh Pháp được sáng tỏ đối với những người con của Đức Phật tại Việt Nam.*
- *Xin chân thành cung kính cúi đầu tri ân Hoà Thượng - vị ân sư của Phật tử Việt Nam.*

Pháp quốc, ngày 05 tháng 07 năm 2014

Người trình bày - Chơn Tín Toàn

1 Định nghĩa - Thế nào là thân kiến - TIỂU Kinh PHƯƠNG QUẢNG - 44 Trung I, 655

TIỂU KINH PHƯƠNG QUẢNG

(Culavedalla suttam)

– Bài kinh số 44 – *Trung* I, 655

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Rajagaha (Vương Xá), tai Veluvana (Trúc Lâm), chỗ Kalandaka Nivapa. Rồi nam cư sĩ Visakha đến chỗ Tỷ-kheo-ni Dhammadinna ở, sau khi đến, đảnh lễ Tỷ-kheo-ni Dhammadinna rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, nam cư sĩ Visakha thưa với Tỷ-kheo ni Dhammadinna:

*– Thưa Ni sư, **tự thân**, tự thân, (Sakkaya), được gọi là như vậy. Thưa Ni sư, Thế Tôn gọi tự thân là như thế nào?*

– Hiền giả Visakha, Thế Tôn gọi **năm thủ uẩn** là tự thân, tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn và thức thủ uẩn. Hiền giả Visakha,

năm thủ uẩn này, Thế Tôn gọi là tự thân.

– Lành thay, thưa Ni sư.

Nam cư sĩ Visakha hoan hỷ, tín thọ lời Tỷ-kheo-ni Dhammadinna nói, rồi hỏi Tỷ-kheo-ni Dhammadinna thêm một câu hỏi nữa:

*– Tự thân tập khởi, **tự thân tập khởi**, thưa Ni sư, được gọi là như vậy. Thưa Ni sư, Thế Tôn gọi tự thân tập khởi (Sakkayasamudaya) là như thế nào?*

– Hiền giả Visakha, khát ái này đưa đến tái sanh, câu hữu với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia, tức là dục ái, hữu ái và phi hữu ái. Hiền giả Visakha, **khát ái** này, Thế Tôn gọi là tự thân tập khởi.

*– Tự thân diệt, **tự thân diệt**, thưa Ni sư, được gọi là như vậy. Thế Tôn gọi tự thân diệt là như thế nào?*

– Hiền giả Visakha, sự đoạn diệt, không tham đắm, không có dư tàn của khát ái ấy, sự xả ly, sự vất bỏ, sự giải thoát, sự vô chấp. Hiền giả Visakha, sự **đoạn diệt khát ái** này, Thế Tôn gọi là tự thân diệt.

*– Thưa Ni sư, **tự thân diệt đạo**, tự thân diệt đạo,*

được gọi là như vậy. Thưa Ni sư, Thế Tôn gọi tự thân diệt đạo là như thế nào?

– Hiền giả Visakha, **Con đường Thánh tám ngành** này, Thế Tôn gọi là tự thân diệt đạo, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

*– Thưa Ni sư, **thủ** này tức là **năm thủ uẩn** kia hay thủ này khác với năm thủ uẩn?*

– Không phải, Hiền giả Visakha. Thủ này tức là năm thủ uẩn kia, thủ này không khác với năm thủ uẩn kia, Hiền giả Visakha, phàm có dục tham đối với năm thủ uẩn, tức là (chấp) thủ đối với chúng ở đây vậy.

*– Thưa Ni sư, thế nào là **thân kiến**?*

– Ở đây, Hiền giả Visakha, kẻ vô văn phàm phu không đến yết kiến các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không đến yết kiến các bậc Chân nhân, không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân, **xem** sắc là tự ngã hay xem tự ngã là có sắc, hay xem sắc là trong tự ngã hay xem tự ngã là trong sắc; xem thọ là tự ngã, hay xem tự

ngã là có thọ, hay xem thọ là trong tự ngã, hay xem tự ngã là trong thọ; xem tưởng là tự ngã, hay xem tự ngã là có tưởng, hay xem tưởng là trong tự ngã, hay xem tự ngã là trong tưởng; xem hành là tự ngã, xem tự ngã là có hành, hay xem hành là trong tự ngã, hay xem tự ngã là trong hành; xem thức là tự ngã, hay xem tự ngã là có thức, hay xem thức là trong tự ngã, hay xem tự ngã là trong thức. Như vậy, Hiền giả Visakha, là thân kiến.

– Thưa Ni sư, thế nào là ***không phải thân kiến****?*

Ở đây, Hiền giả Visakha, vị Đa văn Thánh đệ tử đến yết kiến các bậc Thánh, thuần thục pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh, đến yết kiến các bậc Chân nhân, thuần thục pháp các bậc Chân nhân, tu tập pháp các bậc Chân nhân, **không** xem sắc là tự ngã, không xem tự ngã là có sắc, không xem sắc là trong tự ngã, không xem tự ngã là trong sắc; không xem thọ là tự ngã, không xem tự ngã là có thọ, không xem thọ là trong tự ngã, không xem tự ngã là trong thọ; không xem tưởng là tự ngã, không xem tự ngã là có tưởng, không xem tưởng là trong tự ngã, không xem tự ngã là trong tưởng; không xem các hành là tự ngã, không xem tự ngã là có các hành, không xem các hành là trong tự ngã, không xem tự ngã là trong các hành; không xem thức là tự ngã, không xem tự

ngã là có thức, không xem thức là trong tự ngã, không xem tự ngã là trong thức. Như vậy, Hiền giả Visakha, là không có thân kiến.

– Thưa Ni sư, thế nào là Thánh đạo Tám ngành?

– Hiền giả Visakha, đây là Thánh đạo Tám ngành, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

– Thưa Ni sư, Thánh đạo Tám ngành này là hữu vi hay vô vi?

– Hiền giả Visakha, Thánh đạo Tám ngành này là **hữu vi**.

– Thưa Ni sư, ba uẩn được Thánh đạo Tám ngành thâu nhiếp hay Thánh đạo Tám ngành được ba uẩn thâu nhiếp?

– Hiền giả Visakha, ba uẩn không bị Thánh đạo Tám ngành thâu nhiếp. Hiền giả Visakha, **Thánh đạo Tám ngành bị ba uẩn thâu nhiếp**. Hiền giả Visakha:

- Chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng, những pháp này được thâu nhiếp trong **giới**

uẩn.

- ➢ Chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định, những pháp này được thâu nhiếp trong **định uẩn.**
- ➢ Chánh tri kiến và chánh tư duy, những pháp này được thâu nhiếp trong **tuệ uẩn**

- *Thưa Ni sư thế nào là **định**, thế nào là **định tướng**, thế nào là **định tư cụ**, thế nào là **định tu tập**?*

Hiền giả Visakha:

- *Nhất tâm là định,*
- *Bốn Niệm Xứ là định tướng,*
- *Bốn Tinh cần là định tư cụ,*
- *Sự luyện tập, sự tu tập, sự tái tu tập của những pháp ấy là định tu tập ở đây vậy.*

- *Thưa Ni sư, có bao nhiêu **hành**?*

- Hiền giả, có ba loại hành này: thân hành, khẩu hành, và tâm hành.

- *Thưa Ni sư, thế nào là thân hành, thế nào là khẩu hành, thế nào là tâm hành?*

- ***Thở vô, thở ra*** *là thân hành,*
- ***Tầm tứ*** *là khẩu hành,*
- ***Tưởng và thọ*** *là tâm hành.*

- *Thưa Ni sư,* ***vì sao*** *thở vô thở ra là thân hành, vì sao tầm tứ là khẩu hành, vì sao tưởng và thọ là tâm hành?*

   - ***Thở vô, thở ra, thuộc về thân****, những pháp này lệ thuộc với thân, nên thở vô thở ra thuộc về thân hành.*
   - ***Trước phải tầm và tứ rồi sau mới phát lời nói****, nên tầm tứ thuộc về khẩu hành.*
   - ***Tưởng và thọ và tâm sở, các pháp này lệ thuộc với tâm****, nên tưởng và thọ thuộc về tâm hành.*

- *Thưa Ni sư, như thế nào là chứng nhập* ***Diệt thọ tưởng định****?*

   - Hiền giả Visakha, Tỷ-kheo chứng nhập Diệt thọ tưởng định, vị ấy_**không** nghĩ rằng: "Tôi sẽ chứng nhập Diệt thọ tưởng định", hay "Tôi đang chứng nhập Diệt thọ tưởng định" hay "Tôi đã chứng nhập Diệt thọ tưởng định". Vì rằng, tâm của vị này trước đã được tu tập như vậy nên đưa đến trạng thái như vậy.

- *Thưa Ni sư, Tỷ-kheo chứng nhập Diệt thọ tưởng định, những pháp gì diệt trước, thân hành, hay khẩu hành, hay tâm hành?*

– Hiền giả Visakha, vị Tỷ-kheo chứng nhập Diệt thọ tưởng định, ***khẩu hành diệt trước****, rồi đến thân hành, rồi đến tâm hành.*

- *Thưa Ni sư, làm thế nào xuất khởi Diệt thọ tưởng định?*

– Hiền giả Visakha, vị Tỷ-kheo xuất khởi Diệt thọ tưởng định, **không** có nghĩ rằng: "Tôi sẽ xuất khởi Diệt thọ tưởng định", hay "Tôi đang xuất khởi Diệt thọ tưởng định", hay: "Tôi đã xuất khởi Diệt thọ tưởng định". Vì rằng tâm của vị này trước đã tu tập như vậy nên đưa đến trạng thái như vậy.

- *Thưa Ni sư, Tỷ-kheo xuất khởi Diệt thọ tưởng định, những pháp nào khởi lên trước, thân hành, hay khẩu hành hay tâm hành?*

– Hiền giả Visakha, Tỷ-kheo xuất khởi Diệt thọ tưởng định, ***tâm hành khởi lên trước nhất****, rồi đến thân hành, rồi đến khẩu hành.*

- *Thưa Ni sư, khi Tỷ-kheo xuất khởi Diệt thọ tưởng định, vị ấy cảm giác những xúc nào?*

– Hiền giả Visakha, khi Tỷ-kheo xuất khởi Diệt thọ tưởng định, vị ấy cảm giác ba loại xúc: ***không xúc, vô tướng xúc, vô nguyện xúc***.

- *Thưa Ni sư, khi Tỷ-kheo xuất khởi Diệt thọ tưởng định, tâm của vị ấy thiên về gì, hướng về gì, khuynh hướng về gì?*

– Hiền giả Visakha, khi Tỷ-kheo xuất khởi Diệt thọ tưởng định, ***tâm của vị ấy thiên về độc cư, hướng về độc cư, khuynh hướng về độc cư***.

- ***Thưa Ni sư, có bao nhiêu thọ?***

– Hiền giả Visakha, có ba thọ này, lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ.

- *Thưa Ni sư, thế nào là lạc thọ, thế nào là khổ thọ, thế nào là bất khổ bất lạc thọ?*

- Hiền giả Visakha, cái gì được cảm thọ bởi thân hay tâm, một cách khoái lạc, khoái cảm, như vậy là lạc thọ.
- Hiền giả Visakha, cái gì được cảm thọ bởi thân hay tâm, một cách đau khổ, không khoái cảm, như vậy là khổ thọ.
- Hiền giả Visakha, cái gì được cảm thọ bởi thân

hay tâm không khoái cảm, không khoái cảm như vậy là bất khổ bất lạc thọ.

- *Thưa Ni sư, đối với lạc thọ, cái gì lạc, cái gì khổ? Đối với khổ thọ, cái gì khổ, cái gì lạc? Đối với bất khổ bất lạc thọ, cái gì lạc, cái gì khổ?*

  - Đối với lạc thọ, cái gì trú là lạc, cái gì biến hoại là khổ.
  - Đối với khổ thọ, cái gì trú là khổ, cái gì biến hoại là lạc.
  - Đối với bất khổ bất lạc thọ, có trí là lạc, vô trí là khổ.

- *Thưa Ni sư, trong lạc thọ, có tùy miên gì tồn tại; trong khổ thọ, có tùy miên gì tồn tại; trong bất khổ bất lạc thọ, có tùy miên gì tồn tại?*

  - Trong lạc thọ, có tham tùy miên tồn tại;
  - Trong khổ thọ, có sân tùy miên tồn tại;
  - Trong bất khổ bất lạc thọ, có vô minh tùy miên tồn tại.

- *Thưa Ni sư, có phải trong tất cả lạc thọ, tham tùy miên tồn tại; trong tất cả khổ thọ, sân tùy miên tồn tại; trong tất cả bất khổ bất lạc thọ, vô minh tùy miên tồn tại?*

– Hiền giả Visakha, không phải trong tất cả lạc thọ, tham tùy miên tồn tại; không phải trong tất cả khổ thọ, sân tùy miên tồn tại; không phải trong tất cả bất khổ bất lạc thọ, vô minh tùy miên tồn tại.

– Thưa Ni sư, trong lạc thọ, cái gì phải từ bỏ. Trong khổ thọ, cái gì phải từ bỏ. Trong bất khổ bất lạc thọ, cái gì phải từ bỏ?

– Hiền giả Visakha, trong lạc thọ, tham tùy miên phải từ bỏ. Trong khổ thọ, sân tùy miên phải từ bỏ. Trong bất khổ bất lạc thọ, vô minh tùy miên phải từ bỏ.

– Thưa Ni sư, có phải trong tất cả lạc thọ, tham tùy miên phải từ bỏ. Trong tất cả khổ thọ, sân tùy miên phải từ bỏ. Trong tất cả bất khổ bất lạc thọ, vô minh tùy miên phải từ bỏ?

– Hiền giả Visakha, không phải trong tất cả lạc thọ, tham tùy miên phải từ bỏ; trong tất cả khổ thọ, sân tùy miên phải từ bỏ; trong tất cả bất khổ bất lạc thọ, vô minh tùy miên phải từ bỏ.

Ở đây, Hiền giả Visakha, vị Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm và tứ. Do vậy tham đã được từ bỏ, không còn tham tùy miên tồn tại

ở đây.

Ở đây, Hiền giả Visakha, vị Tỷ-kheo suy tư như sau: "Chắc chắn ta sẽ chứng và an trú trong trú xứ mà nay các vị Thánh đang an trú". Vì muốn phát nguyện hướng đến các cảnh giải thoát vô thượng, do ước nguyện ấy, khởi lên ưu tư. Do vậy, sân được từ bỏ, không còn sân tùy miên tồn tại ở đây.

Ở đây, Hiền giả Visakha, vị Tỷ-kheo xả lạc và xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Do vậy vô minh đã được từ bỏ, không còn vô minh tùy miên tồn tại ở đây.

– *Thưa Ni sư, lạc thọ lấy gì làm tương đương?*

– Hiền giả Visakha, lạc thọ lấy khổ thọ làm tương đương.

– *Thưa Ni sư, khổ thọ lấy gì làm tương đương?*

– Hiền giả Visakha, khổ thọ lấy lạc thọ làm tương đương.

– *Thưa Ni sư, bất khổ bất lạc thọ lấy gì làm tương đương?*

– Hiền giả Visakha, bất khổ bất lạc thọ lấy vô minh làm tương đương.

– *Thưa Ni sư, vô minh lấy gì làm tương đương?*

– Hiền giả Visakha, vô minh lấy minh làm tương đương.

– *Thưa Ni sư, minh lấy gì làm tương đương?*

– Hiền giả Visakha, minh lấy giải thoát làm tương đương.

– *Thưa Ni sư, giải thoát lấy gì làm tương đương?*

– Hiền giả Visakha, giải thoát lấy Niết-bàn làm tương đương.

– *Thưa Ni sư, Niết-bàn lấy gì làm tương đương?*

– Hiền giả Visakha, câu hỏi đi quá xa, vượt ra ngoài giới hạn câu trả lời. Hiền giả Visakha, phạm hạnh là để thể nhập vào Niết-bàn, để vượt qua đến Niết-bàn, để đạt cứu cánh Niết-bàn. Hiền giả Visakha, nếu Hiền giả muốn, hãy đến chỗ Thế Tôn ở, và hỏi ý nghĩa này. Và Thế Tôn trả lời cho Hiền giả như thế nào, hãy như vậy thọ trì.

Rồi nam cư sĩ Visakha hoan hỷ, tín thọ lời Tỷ-kheo-ni Dhammadinna giảng, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Tỷ-kheo ni Dhammadinna, thân bên phải hướng về phía Tỷ-kheo-ni rồi từ biệt, đi đến chỗ Thế Tôn ở. Sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, nam cư sĩ Visakha thuật lại cho Thế Tôn tất cả câu chuyện đàm đạo với Tỷ-kheo-ni Dhammadinna. Khi nghe nói vậy, Thế Tôn nói với nam cư sĩ Visakha:

– Này Visakha, Tỷ-kheo-ni Dhammadinna là bậc Hiền trí! Này Visakha, Tỷ-kheo-ni Dhammadinna là bậc Đại tuệ. Này Visakha, nếu Ông hỏi Ta ý nghĩa ấy, Ta cũng trả lời như Tỷ-kheo-ni Dhammadinna đã trả lời. Ông đối với nghĩa này, hãy như vậy thọ trì.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Nam cư sĩ Visakha hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy.

2 Định nghĩa - Thế nào là thân kiến - ĐẠI Kinh MÃN NGUYỆT – 109 Trung III, 135

ĐẠI KINH MÃN NGUYỆT

(Mahapunnama suttam)

– Bài kinh số 109 – Trung III, 13

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở tại Savatthi (Xá-vệ), Pubbarama (Đông Viên), Migaramatupasada (Lộc Mẫu Giảng đường). Lúc bấy giờ trong ngày Bố-tát, ngày trăng tròn, trong đêm trăng rằm, Thế Tôn đang ngồi giữa trời, xung quanh có chúng Tỷ-kheo đoanh vây. Rồi một Tỷ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên vai, chấp tay vái Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

– Con muốn hỏi Thế Tôn một vấn đề đặc biệt, nếu Thế Tôn cho con được phép nói lên câu hỏi.

– Vậy này Tỷ-kheo, hãy ngồi trên chỗ của Ông và hỏi như ý Ông muốn.

Rồi vị Tỷ-kheo ấy, sau khi ngồi xuống trên chỗ ngồi của mình, bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, có phải có năm thủ uẩn này, tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn và thức thủ uẩn?

– Này Tỷ-kheo, có năm thủ uẩn này, tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn.

– Lành thay, bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy sau khi hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn nói, hỏi Thế Tôn một câu hỏi khác:

– Bạch Thế Tôn, năm thủ uẩn này, lấy gì làm căn bản?

– Này Tỷ-kheo, năm thủ uẩn này **lấy dục làm căn bản.**

– Bạch Thế Tôn, có phải chính chấp thủ ấy là năm thủ uẩn, hay là ngoài năm thủ uẩn, có một chấp thủ (khác)?

– Này Tỷ-kheo, không phải chính chấp thủ ấy là năm thủ uẩn, cũng không phải ngoài năm thủ uẩn có

sự chấp thủ. Này Tỷ-kheo, **khi nào có lòng dục, lòng tham đối với năm thủ uẩn, ở đấy chính là chấp thủ.**

– Bạch Thế Tôn, phải chăng có thể có sự sai khác trong lòng dục, lòng tham đối với năm thủ uẩn?

Thế Tôn trả lời:

– Này Tỷ-kheo, có thể có. Ở đây, này Tỷ-kheo có người nghĩ như sau: "Mong rằng có sắc như thế này trong tương lai! Mong rằng có thọ như thế này trong tương lai! Mong rằng có tưởng như thế này trong tương lai! Mong rằng có hành như thế này trong tương lai! Mong rằng có thức như thế này trong tương lai!" Như vậy, này Tỷ-kheo, **có sự sai khác trong lòng dục, lòng tham đối với năm uẩn.**

– Nhưng bạch Thế Tôn, cho đến như thế nào là ý nghĩa chữ uẩn trong các uẩn?

– Này Tỷ-kheo, phàm sắc gì, quá khứ, vị lai hay hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, như vậy là sắc uẩn. Phàm cảm thọ gì, quá khứ, vị lai hay hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, như vậy là thọ uẩn. Phàm tưởng gì, quá khứ, vị lai hay hiện tại.. (như trên)... xa hay gần, như vậy là tưởng uẩn. Phàm những hành gì,

quá khứ, vị lai hay hiện tại... (như trên).. xa hay gần, như vậy là hành uẩn. Phàm thức gì, quá khứ, vị lai hay hiện tại.. (như trên)... xa hay gần, như vậy là thức uẩn. Cho đến như vậy, này Tỷ-kheo **là ý nghĩa chữ uẩn trong các uẩn.**

– Do nhân gì, bạch Thế Tôn, do duyên gì được chấp nhận gọi là sắc uẩn? Do nhân gì, duyên gì được chấp nhận gọi là thọ uẩn? Do nhân gì, duyên gì được chấp nhận gọi là tưởng uẩn? Do nhân gì, duyên gì được chấp nhận gọi hành uẩn? Do nhân gì, duyên gì được chấp nhận gọi là thức uẩn?

– Bốn đại là nhân, này Tỷ-kheo, bốn đại là duyên được chấp nhận gọi là sắc uẩn.

– Xúc là nhân, xúc là duyên được chấp nhận gọi là thọ uẩn.

– Xúc là nhân, xúc là duyên được chấp nhận gọi là tưởng uẩn.

– Xúc là nhân, xúc là duyên được chấp nhận gọi là hành uẩn.

– Danh sắc là nhân, này Tỷ-kheo, danh sắc là duyên được chấp nhận gọi là thức uẩn.

– Nhưng bạch Thế Tôn, thế nào là thân kiến?

– Ở đây, này Tỷ-kheo, có kẻ vô văn phàm phu không hiểu rõ các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không hiểu rõ các bậc Chơn nhân, không thuần thục pháp các bậc Chơn nhân, không tu tập pháp các bậc Chơn nhân, xem sắc như là tự ngã, hay xem tự ngã như là có sắc, hay xem sắc như là trong tự ngã, hay xem tự ngã như là trong sắc; xem thọ như là tự ngã, hay xem tự ngã như là có thọ, hay xem thọ như là trong tự ngã, hay xem tự ngã như là trong thọ; xem tưởng như là tự ngã, hay xem tự ngã như là có tưởng, hay xem tưởng như là trong tự ngã, hay xem tự ngã như là trong trưởng; xem hành như là tự ngã, hay xem tự ngã như là có hành, hay xem hành như là trong tự ngã, hay xem tự ngã như là trong hành; xem thức như là tự ngã, hay xem tự ngã như là có thức, hay xem có thức như là trong tự ngã, hay xem tự ngã như là trong thức.

– Nhưng bạch Thế Tôn, thế nào là không thân kiến?

– Ở đây, này Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử, đi đến các bậc Thánh, thuần thục pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh, đi đến các bậc Chơn nhân, thuần thục pháp các bậc Chơn nhân, tu tập pháp các bậc Chơn nhân, không xem sắc như là

tự ngã, hay không xem tự ngã như là có sắc, hay không xem sắc như là trong tự ngã, hay không xem tự ngã như là trong sắc; không xem thọ như là tự ngã.... không xem tự ngã như là trong thọ, không xem tưởng như là tự ngã.. , hay không xem tự ngã như là trong tưởng; không xem hành như là tự ngã... hay không xem tự ngã như là trong hành; không xem thức như là tự ngã.. không xem tự ngã như là trong thức. Như vậy, này Tỷ-kheo, là không thân kiến.

– Bạch Thế Tôn, cái gì là vị ngọt của sắc, cái gì là sự nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly?

– Cái gì là vị ngọt của thọ, cái gì là sự nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly?

– Cái gì là vị ngọt của tưởng, cái gì là sự nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly?

– Cái gì là vị ngọt của hành, cái gì là sự nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly?

– Cái gì là vị ngọt của thức, cái gì là sự nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly?

– Này Tỷ-kheo, lạc hỷ gì duyên sắc khởi lên, như vậy là vị ngọt của sắc. Cái gì vô thường, khổ, bị biến hoại trong sắc như vậy là sự nguy hiểm của sắc. Sự nhiếp phục dục tham đối với sắc, sự đoạn diệt dục tham, như vậy là sự xuất ly của sắc. Này Tỷ-kheo,

lạc hỷ gì duyên thọ khởi lên, như vậy là vị ngọt của thọ... như vậy là sự xuất ly của thọ. Này Tỷ-kheo, lạc hỷ gì duyên tưởng khởi lên như vậy là vị ngọt của tưởng.... là sự xuất ly của tưởng. Này Tỷ-kheo, lạc hỷ gì duyên hành khởi lên như vậy là vị ngọt của hành... là sự xuất ly của hành. Này Tỷ-kheo, lạc hỷ gì duyên thức khởi lên, như vậy là vị ngọt của thức. Cái gì vô thường, khổ, bị biến hoại trong thức, như vậy là sự nguy hiểm của thức. Sự nhiếp phục dục tham đối với thức, sự đoạn diệt dục tham, như vậy là sự xuất ly của thức.

– Bạch Thế Tôn, do biết gì, do thấy gì, mà không có mạn tùy miên rằng: "Ta là người làm, sở thuộc của ta là người làm", đối với tự thân có ý thức, và đối với cả tưởng ở ngoài?

– Này Tỷ-kheo, phàm có sắc gì, quá khứ, vị lai hay hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, đối với tất cả sắc, thấy được như thật với trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Phàm có thọ gì... tưởng gì... hành gì... phàm có thức gì, quá khứ vị lai hay hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, đối với tất cả thức, thấy được như thật với trí tuệ là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi. Cái này không phải tự ngã

của tôi". Này Tỷ-kheo, do biết như vậy, thấy như vậy, nên không có mạn tùy miên rằng: "Ta là người làm, sở thuộc của ta là người làm", đối với tự thân có ý thức, và đối với tất cả tướng ở ngoài.

Rồi một Tỷ-kheo khác khởi lên sự suy tư như sau: "Nếu được nói rằng, chư Tôn giả, sắc là vô ngã, thọ là vô ngã, tưởng là vô ngã, hành là vô ngã, thức là vô ngã; như vậy những hành động do vô ngã làm đã được ngã nào cảm thọ kết quả?"

Thế Tôn biết được tâm tư của Tỷ-kheo ấy với tâm tư của mình liền nói với các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, sự kiện này xảy ra, khi ở đây có kẻ ngu si, vô tri, vô minh, với tâm bị tham dục chi phối, lại nghĩ cần phải vượt qua lời dạy của bậc Đạo sư với (câu hỏi): "Nếu được nói rằng, chư Tôn giả, sắc là vô ngã, thọ là vô ngã, tưởng là vô ngã, hành là vô ngã, thức là vô ngã; như vậy những hành động do vô ngã làm đã được ngã nào cảm thọ kết quả?" Này các Tỷ-kheo, các Ông đã được Ta huấn luyện tìm kiếm nhân duyên, chỗ này chỗ kia, đối với những pháp này, pháp khác. Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

– Vô thường, bạch Thế Tôn.

– Những gì vô thường là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Những gì vô thường, khổ, bị biến hoại, có hợp lý chăng khi xem: "Cái này của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi?"

– Thưa không vậy, bạch Thế Tôn.

– Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, thọ.. (như trên).. tưởng.. hành... thức là thường hay vô thường?

– Vô thường, bạch Thế Tôn.

– Những gì vô thường, là khổ hay lạc?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Những gì vô thường, khổ, bị biến hoại, có hợp lý chăng khi xem: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi?"

– Thưa không vậy, bạch Thế Tôn.

– Do vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có sắc gì, quá khứ, vị lai hay hiện tại, nội hay ngoại... tất cả loại

sắc, cần phải như thật quán: "***Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi***". Phàm có thọ gì, phàm có tưởng gì, phàm có hành gì, phàm có thức gì quá khứ, vị lai hay hiện tại, nội hay ngoại.. tất cả loại thức, cần phải như thật quán: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Như vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử yếm ly đối với sắc, yếm ly đối với thọ, yếm ly đối với tưởng, yếm ly đối với hành, yếm ly đối với thức. Do yếm ly nên ly tham, do ly tham nên được giải thoát. Trong sự giải thoát, vị ấy biết được vị ấy đã giải thoát. Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm. Từ nay không còn trở lại đời sống thế này nữa".

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy. Trong khi sự giảng giải này được nói lên, tâm của sáu mươi vị Tỷ-kheo được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

3 108 ái hành - Kinh ÁI – Tăng II, 225

ÁI – *Tăng* II, 225

1.- Này các Tỷ-kheo, **Ta sẽ giảng cho các Thầy về ái, lưới triền khiến cho lưu chuyển được rộng ra, bám dính vào; chính do ái ấy, thế giới này bị hoại vong, trói buộc, rối loạn như một cuộn chỉ, rối ren như một ổ kén, quyện lại như cỏ munja và lau sậy babbaja, không thể nào ra khỏi khổ xứ, ác thú, đọa xứ, sanh tử.** Hãy nghe và khéo tác ý, ta sẽ nói.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế tôn nói như sau:

2.- *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ái, thế nào là lưới triền, khiến cho lưu chuyển, được trải rộng ra, bám dính vào; chính do ái ấy, thế giới này bị hoại vong, trói buộc, rối loạn như một cuộn chỉ, rối ren như một ổ kén, quyện lại như cỏ munja và lau sậy babbaja, không thể nào ra khỏi khổ xứ, ác thú, đọa xứ, sanh tử?*

Này các Tỷ-kheo, **mười tám ái hành** này, liên hệ đến nội tâm, có **mười tám ái hành** này liên hệ với ngoại cảnh.

*3. Thế nào là **mười tám ái hành liên hệ đến nội tâm**?*

- Này các Tỷ-kheo,

1. *Khi nào có ý nghĩ: "Ta có mặt", thời có những ý nghĩ:*
2. *"Ta có mặt trong đời này";*
3. *"Ta có mặt như vậy";*
4. *"Ta có mặt khác như vậy";*
5. *"Ta không phải thường hằng";*
6. *"Ta là thường hằng";*
7. *"Ta phải có mặt hay không?";*
8. *"Ta phải có mặt trong đời này?";*
9. *"Ta phải có mặt như vậy";*
10. *"Ta phải có mặt khác như vậy";*
11. *"Mong rằng ta có mặt";*
12. *"Mong rằng ta có mặt trong đời này";*
13. *"Mong rằng ta có mặt như vậy!";*
14. *"Mong rằng ta có mặt khác như vậy!";*
15. *"Ta sẽ có mặt";*
16. *"Ta sẽ có mặt trong đời này";*
17. *"Ta sẽ có mặt như vậy";*
18. *"Ta sẽ có mặt khác như vậy".*

Có mười tám ái hành này liên hệ với nội tâm.

*4. Thế nào là **mười tám ái hành liên hệ với ngoại cảnh**?*

1. *Khi nào có tư tưởng: "Với cái này, Ta có mặt", thời có những tư tưởng sau:*
2. *"Với cái này, Ta có mặt trong đời này";*
3. *"Với cái này, Ta có mặt như vậy";*
4. *"Với cái này, Ta có mặt khác như vậy";*
5. *"Với cái này, Ta không phải thường hằng";*
6. *"Với cái này, Ta là thường hằng";*
7. *"Với cái này, Ta phải có mặt hay không?";*
8. *"Với cái này, Ta phải có mặt trong thế giới này?";*
9. *"Với cái này, Ta phải có mặt như vậy";*
10. *"Với cái này, Ta phải có mặt khác như vậy";*
11. *"Với cái này, mong rằng ta có mặt";*
12. *"Với cái này, mong rằng ta có mặt trong đời này";*
13. *"Với cái này, mong rằng ta có mặt như vậy!";*
14. *"Với cái này, mong rằng ta có mặt khác như vậy!";*
15. *" Với cái này, tôi sẽ có mặt";*
16. *"Với cái này, tôi sẽ có mặt trong đời này";*
17. *" Với cái này, tôi sẽ có mặt như vậy";*
18. *" Với cái này, tôi sẽ có mặt khác như vậy".*

Có mười tám ái hành này liên hệ với ngoại cảnh.

5. **Mười tám ái hành** này liên hệ với nội tâm, và **mười tám ái hành** này liên hệ đến ngoại cảnh. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là ba mươi sáu ái hành.

- Ba mươi sáu ái hành quá khứ như vậy;
- Ba mươi sáu ái hành vị lai như vậy;
- Ba mươi sáu ái hành hiện tại như vậy.

→ Như vậy là **một trăm lẻ tám ái hành.**

6. Này các Tỷ-kheo, đây là ái này, lưới triền, khiến cho lưu chuyển, được trải rộng ra, bám dính vào; chính do ái ấy, thế giới này bị hoại vong, trói buộc, rối loạn như một cuộn chỉ, rối ren như một ổ kén, quyện lại như cỏ munja và lau sậy babbaja, không thể nào ra khỏi khổ xứ, ác thú, đọa xứ, sanh tử.

4 Biết như thế nào, Tà kiến, thân kiến, ngã kiến được đoạn trừ - Kinh Tà Kiến – Tương IV, 242

Tà Kiến – *Tương* IV, 242

1) ...

2) Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn...

3) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, do biết như thế nào, thấy như thế nào, tà kiến được đoạn trừ?

4-9) -- Tỷ-kheo do biết và thấy mắt là vô thường nên tà kiến được đoạn trừ. Do biết và thấy nhãn thức là vô thường nên tà kiến được đoạn trừ. Phàm duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; do biết và thấy cảm thọ ấy là vô thường nên tà kiến được đoạn trừ.

tai... mũi... lưỡi... thân...

... Do biết và thấy ý là vô thường nên tà kiến được đoạn trừ. Do biết và thấy ý thức là vô thường nên tà kiến được đoạn trừ. Phàm duyên ý xúc khởi lên cảm

thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; do biết và thấy cảm thọ ấy là vô thường nên tà kiến được đoạn trừ.

10) Này các Tỷ-kheo, do biết như vậy, do thấy như vậy nên tà kiến được đoạn trừ.

Thân Kiến – 242tu4

(Như kinh trên, chỉ thế *thân kiến* cho *tà kiến*...).

Ngã Kiến – 243tu4

(Như kinh trên, chỉ thế vào *ngã kiến*).

5 Bờ bên này là đồng nghĩa với thân kiến - Kinh Rắn Độc – Tương IV, 283

Rắn Độc – *Tương* IV, 283

1-2) Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi... gọi các Tỷ-kheo... Thế Tôn nói như sau:

3) -- *Ví như, này các Tỷ-kheo, có bốn con rắn độc, với sức nóng tột độ, với nọc độc mãnh liệt. Rồi có người đến, muốn sống, không muốn chết, muốn lạc, ghét khổ. Người ta nói với người ấy: "Này Bạn, có bốn con rắn độc này, với sức nóng tột độ, với nọc độc mãnh liệt. Thỉnh thoảng hãy thức chúng dậy, thỉnh thoảng hãy tắm cho chúng, thỉnh thoảng hãy cho chúng ăn, thỉnh thoảng hãy cho chúng vào huyệt (để ngủ). Này Bạn, nếu một trong bốn con rắn độc này, với sức nóng tột độ, với nọc độc mãnh liệt, tức giận, thời này Bạn, Bạn sẽ đi đến chết, hay đau khổ gần như chết. Vậy này Bạn, hãy làm những gì Bạn nghĩ cần phải làm".*

4) *Rồi này các Tỷ-kheo, người ấy quá sợ hãi bốn con rắn độc, với sức nóng tột độ, với nọc độc mãnh liệt, chạy trốn chỗ này, chỗ kia. Người ta nói với người*

ấy: "Này Bạn, có năm kẻ sát nhân thù địch này, đang đi theo sau lưng Bạn. Chúng nói: "Khi nào chúng ta thấy nó, chúng ta sẽ giết nó". Này Bạn, hãy làm những gì Bạn nghĩ là phải làm".

5) *Rồi này các Tỷ-kheo, người ấy quá sợ hãi bốn con rắn độc ấy, với sức nóng tột độ, với nọc độc mãnh liệt, quá sợ hãi năm tên sát nhân thù địch ấy, chạy đi trốn chỗ này, chỗ kia. Người ta nói với người ấy: "Này Bạn, có một tên thứ sáu cướp nhà, giết người, với ngọn kiếm dơ lên, đang đi theo sau lưng Bạn. Nó nói: "Khi nào ta thấy nó, ta sẽ chém đầu nó". Này Bạn, hãy làm những gì Bạn nghĩ là phải làm ".*

6) *Rồi, này các Tỷ-kheo, người ấy quá sợ hãi bốn con rắn độc, với sức nóng tột độ, với nọc độc mãnh liệt, quá sợ hãi năm tên sát nhân thù địch, quá sợ hãi tên thứ sáu cướp nhà, giết người với ngọn kiếm dơ lên, chạy đi trốn chỗ này, chỗ kia. Rồi người ấy thấy một ngôi làng trống không. Nhà nào người ấy đi vào, người ấy vào chỗ trống không, vào chỗ rỗng không, vào chỗ tuyệt không. Người ấy sờ đến đồ dùng nào, người ấy sờ chỗ trống không, người ấy sờ chỗ rỗng không, người ấy sờ chỗ tuyệt không. Người ta nói với người ấy: "Này Bạn, bọn cướp phá hoại làng, sẽ đánh cướp ngôi làng trống không này. Này Bạn, hãy làm những gì Bạn nghĩ là phải làm".*

7) *Rồi này các Tỷ-kheo, người ấy quá sợ hãi bốn con rắn độc với sức nóng tột độ, với nọc độc mãnh liệt, quá sợ hãi năm tên giết người thù địch, quá sợ hãi tên thứ sáu cướp nhà, giết người với ngọn kiếm dơ lên, quá sợ hãi các tên cướp làng, liền chạy đi trốn chỗ này, chỗ kia. Rồi người ấy thấy một đầm nước lớn, bờ bên này đầy những sợ hãi nguy hiểm, bờ bên kia được an ổn, không có sợ hãi, nhưng không có thuyền để vượt qua, không có cầu để đi qua đi lại.*

8) *Rồi này các Tỷ-kheo, người ấy suy nghĩ như sau: "Đây là vùng nước đọng, bờ bên này nguy hiểm và hãi hùng, bờ bên kia an ổn, không kinh hãi, nhưng không có thuyền để vượt qua, cũng không có cầu bắc qua từ bờ bên này đến bờ bên kia. Nay ta hãy thâu góp cỏ cây, nhành lá, cột lại thành chiếc bè, nhờ chiếc bè này, tinh tấn dùng tay chân, ta có thể vượt qua bờ bên kia một cách an toàn".*

9) *Rồi này các Tỷ-kheo, người ấy thâu góp cỏ cây, nhành lá, cột lại thành chiếc bè, nhờ chiếc bè này, tinh tấn dùng tay chân, người ấy vượt qua bờ bên kia một cách an toàn. Vị Bà-la-môn vượt qua bờ bên kia, đứng trên đất liền.*

10) **Ví dụ này,** này các Tỷ-kheo**, Ta làm để giải thích ý nghĩa. Và đây là ý nghĩa:**

11) Bốn con rắn độc với sức nóng tột độ, với nọc độc mãnh liệt, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với ***bốn đại chủng***: địa đại, thủy đại, hỏa đại và phong đại.

12) Năm tên giết người thù địch, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với ***năm thủ uẩn***: sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn.

13) Tên thứ sáu cướp nhà, giết người với cây kiếm giơ lên, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với ***dục tham***.

14) Ngôi làng trống không, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với ***sáu nội xứ***. Này các Tỷ-kheo, nếu một người hiền, kinh nghiệm, có trí, tìm hiểu nó với con mắt; vị ấy thấy nó là trống không, là rỗng không, là tuyệt không... Nếu tìm hiểu nó với ý; vị ấy thấy nó là trống không, là rỗng không, là tuyệt không.

15) Bọn cướp phá làng, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với ***sáu ngoại xứ***. Này các Tỷ-kheo, mắt bị tàn hại trong các sắc khả ái và không khả ái. Này các Tỷ-kheo, tai bị tàn hại trong các tiếng khả ái và không khả ái. Này các Tỷ-kheo, mũi bị tàn hại trong các hương khả ái và không khả ái. Này các Tỷ-kheo, lưỡi bị tàn hại trong các vị khả ái và không khả ái. Này các Tỷ-kheo, thân bị tàn hại trong các xúc khả ái và

không khả ái. Này các Tỷ-kheo, ý bị tàn hại trong các pháp khả ái và không khả ái.

16) Vùng nước lớn, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với ***bốn bộc lưu:*** dục bộc lưu, hữu bộc lưu, kiến bộc lưu và vô minh bộc lưu.

17) Bờ bên này nguy hiểm và hãi hùng, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với ***thân kiến*** này.

18) Bờ bên kia an ổn và không kinh hãi, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với ***Niết-bàn.***

19) Cái bè, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với ***Thánh đạo Tám ngành***.

20) Tinh tấn dùng tay và dùng chân, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với ***tinh tấn, tinh cần*****.**

21) Vị Bà-la-môn vượt qua bờ bên kia và đứng trên đất liền, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với ***bậc A-la-hán.***

6 Con đường đưa đến thân kiến tập khởi - Kinh SÁU SÁU – 148 Trung III, 629

KINH SÁU SÁU

(Chadhakka suttam)

– Bài kinh số 148 –* Trung *III, 629

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm) tại tinh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– "Này các Tỷ-kheo".

– "Thưa vâng, Bạch Thế Tôn".

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng pháp cho các Ông, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn. Ta sẽ nói lên Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn, thanh tịnh, tức là **sáu sáu**. Hãy nghe và suy nghiệm

kỹ, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

→ **Sáu nội xứ** cần phải được biết.

→ **Sáu ngoại xứ** cần phải được biết.

→ **Sáu thức thân** cần phải được biết.

→ **Sáu xúc thân** cần phải được biết.

→ **Sáu thọ thân** cần phải được biết.

→ **Sáu ái thân** cần phải được biết.

Khi được nói đến "Sáu nội xứ cần phải được biết", do duyên gì được nói đến như vậy? Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, ý xứ. Khi được nói đến "Sáu nội xứ cần phải được biết ", chính do duyên này được nói đến như vậy. Đây là sáu sáu thứ nhất.

Khi được nói đến "**Sáu ngoại xứ** cần phải được biết", do duyên gì được nói đến như vậy? Sắc xứ, thanh xứ, hương xứ, vị xứ, xúc xứ, pháp xứ. Khi được nói đến "Sáu ngoại xứ cần phải được biết",

chính do duyên này được nói đến như vậy. Đây là sáu sáu thứ hai.

Khi được nói đến "**Sáu thức thân** cần phải được biết", do duyên gì được nói đến như vậy? Do duyên mắt và do duyên các sắc, khởi lên nhãn thức. Do duyên tai và do duyên các tiếng, khởi lên nhĩ thức. Do duyên mũi và do duyên các hương, khởi lên tỷ thức. Do duyên lưỡi và do duyên các vị, khởi lên thiệt thức. Do duyên thân và do duyên các xúc, khởi lên thân thức. Do duyên ý và do duyên các pháp, khởi lên ý thức. Khi được nói đến "Sáu thức thân cần phải được biết", chính do duyên này được nói đến như vậy. Đây là sáu sáu thứ ba.

Khi được nói đến **"Sáu xúc thân** cần phải được biết", do duyên gì được nói đến như vậy? Do duyên mắt và do duyên các sắc, khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên tai và do duyên các tiếng, khởi lên nhĩ thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên mũi và do duyên các hương khởi lên tỷ thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên lưỡi và do duyên các vị khởi lên thiệt thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên thân và do duyên các xúc khởi lên thân thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên ý và do duyên các pháp khởi lên ý thức. Sự gặp gỡ của ba

(pháp này) là xúc. Khi được nói đến "Sáu xúc thân cần phải được biết", chính do duyên này được nói đến như vậy. Đây là sáu sáu thứ tư.

Khi được nói đến "**Sáu thọ thân** cần phải được biết", do duyên gì được nói đến như vậy? Do duyên mắt và do duyên các sắc khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên xúc là thọ. Do duyên tai và do duyên các tiếng khởi lên nhĩ thức. Do duyên mũi và do duyên các hương khởi lên tỷ thức. Do duyên lưỡi và do duyên các vị khởi lên thiệt thức. Do duyên thân và do duyên các xúc khởi lên thân thức. Do duyên ý và do duyên các pháp, khởi lên ý thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên xúc là thọ. Khi được nói đến "Sáu thọ thân cần phải được biết", chính do duyên này được nói đến như vậy. Đây là sáu sáu thứ năm.

Khi được nói đến "**Sáu ái thân** cần phải được biết", do duyên gì được nói đến như vậy? Do duyên mắt và duyên các sắc khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên xúc là thọ. Do duyên thọ là ái. Do duyên tai và do duyên các tiếng, khởi lên nhĩ thức. Do duyên mũi và do duyên các hương khởi lên tỷ thức. Do duyên lưỡi và do duyên các vị khởi lên thiệt thức. Do duyên thân và do duyên các xúc khởi lên thân thức. Do duyên ý và do duyên

các pháp khởi lên ý thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên xúc là thọ. Do duyên thọ là ái. Khi được nói đến "Sáu ái thân cần phải được biết", chính do duyên này được nói đến như vậy. Đây là sáu sáu thứ sáu.

Nếu ai nói rằng: "Mắt là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của mắt đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt đã được thấy, nên phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy, nếu ai nói rằng: "Mắt là tự ngã", như vậy không hợp lý. Như vậy, con mắt là vô ngã.

Nếu ai nói rằng: "Các sắc là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của các sắc đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt của các sắc đã được thấy, nên phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy, nếu ai nói rằng: "Các sắc là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy, con mắt là vô ngã, các sắc là vô ngã.

Nếu ai nói rằng: "Nhãn thức là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của nhãn thức đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt của nhãn thức đã được thấy, nên phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy, nếu ai nói rằng: "Nhãn thức là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như

vậy con mắt là vô ngã, các sắc là vô ngã, nhãn thức là vô ngã.

Nếu có ai nói rằng: "Nhãn xúc là tự ngã, như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của nhãn xúc đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt đã được thấy, nên phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy, nếu ai nói rằng: "Nhãn xúc là tự ngã", như vậy, là không hợp lý. Như vậy con mắt là vô ngã, các sắc là vô ngã, nhãn thức là vô ngã, nhãn xúc là vô ngã.

Nếu có ai nói rằng: "Thọ là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của thọ đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt của thọ đã được thấy, nên phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy, nếu ai nói rằng: "Thọ là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy, con mắt là vô ngã, các sắc là vô ngã, nhãn thức là vô ngã, nhãn xúc là vô ngã, thọ là vô ngã.

Nếu có ai nói rằng: "Ái là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của ái đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt đã được thấy, nên phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy nếu ai nói rằng: "Ái là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy con mắt là vô ngã, các sắc là vô ngã,

nhãn thức là vô ngã, nhãn xúc là vô ngã, thọ là vô ngã, ái là vô ngã.

Nếu có ai nói rằng: "Tai là tự ngã"... nếu có ai nói rằng: "Mũi là tự ngã"... nếu có ai nói rằng: "Lưỡi là tự ngã"... nếu có ai nói rằng: "Thân là tự ngã"...

Nếu có ai nói rằng: "ý là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của ý đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt đã được thấy, nên phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy nếu ai nói rằng: "Ý là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy ý là vô ngã.

Nếu có ai nói rằng: "Các pháp là tự ngã", như vậy, là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của các pháp đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt đã được thấy, nên phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy, nếu ai nói rằng: "Các pháp là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy, ý là vô ngã, các pháp là vô ngã.

Nếu có ai nói rằng: "Ý thức là tự ngã", như vậy, là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của ý thức đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt đã được thấy, nên phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy, nếu ai nói rằng: "Ý thức là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy ý là vô ngã, các pháp

là vô ngã, ý thức là vô ngã.

Nếu có nói rằng: "Ý xúc là tự ngã ", như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của ý xúc đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt đã được thấy, nên phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy, nếu có ai nói rằng: "Ý xúc là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy ý là vô ngã, các pháp là vô ngã, ý thức là vô ngã, ý xúc là vô ngã.

Nếu có ai nói: "Thọ là tự ngã", như vậy không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của thọ đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt đã được thấy, nên đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy, nếu có ai nói rằng: "Thọ là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy ý là vô ngã, các pháp là vô ngã, ý thức là vô ngã, ý xúc là vô ngã, thọ là vô ngã.

Nếu có ai nói rằng: "Ái là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Vì rằng sự sanh.. Do vậy nếu có ai nói rằng: "Ái là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy ý là vô ngã, các pháp là vô ngã, ý thức là vô ngã, ý xúc là vô ngã, thọ là vô ngã, ái là vô ngã.

Này các Tỷ-kheo, nhưng **đây là con đường đưa đến sự tập khởi của thân kiến**. Ai quán mắt là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi" Ai quán các sắc là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi,

cái này là tự ngã của tôi". Ai quán nhãn thức: "Cái này là của tôi.. là tự ngã của tôi". Ai quán nhãn xúc: "Cái này là của tôi ... là tự ngã của tôi". Ai quán thọ: "Cái này là của tôi... là tự ngã của tôi". Ai quán ái: "Cái này là của tôi ... là tự ngã của tôi". Ai quán tai: "Cái này là của tôi.. là tự ngã của tôi". Ai quán mũi: "Cái này là của tôi.. là tự ngã của tôi". Ai quán lưỡi: "Cái này là của tôi.. là tự ngã của tôi". Ai quán thân: "Cái này là của tôi.. là tự ngã của tôi". Ai quán ý: "Cái này là của tôi.. là tự ngã của tôi". Ai quán các pháp: "Cái này là của tôi.. là tự ngã của tôi". Ai quán ý thức: "Cái này là của tôi.. là tự ngã của tôi". Ai quán ý xúc: "Cái này là của tôi.. là tự ngã của tôi". Ai quán thọ: "Cái này là của tôi.. là tự ngã của tôi". Ai quán ái: "Cái này là của tôi.. là tự ngã của tôi".

Nhưng này các Tỷ-kheo, **đây là con đường đưa đến sự đoạn diệt của thân kiến**. Ai quán mắt: ""Cái này không phải là của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải là tự ngã của tôi". Ai quán sắc: "Cái này không phải là của tôi.. không phải là tự ngã của tôi". Ai quán nhãn thức: "Cái này không phải của tôi.. không phải là tự ngã của tôi". Ai quán nhãn xúc: "Cái này không phải của tôi.. không phải tự ngã của tôi". Ai quán thọ: "Cái này không phải là của tôi... không phải tự ngã của tôi". Ai quán ái: "Cái này không phải của tôi.. không phải tự ngã của tôi". Ai

quán tai: "Cái này không phải của tôi.. không phải tự ngã của tôi". Ai quán mũi: "Cái này không phải của tôi.. không phải tự ngã của tôi". Ai quán lưỡi: "Cái này không phải của tôi.. không phải tự ngã của tôi". Ai quán thân: "Cái này không phải của tôi.. không phải tự ngã của tôi". Ai quán ý: "Cái này không phải của tôi.. không phải tự ngã của tôi". Ai quán các pháp: "Cái này không phải của tôi.. không phải tự ngã của tôi". Ai quán ý thức: "Cái này không phải của tôi.. không phải tự ngã của tôi". Ai quán ý xúc: "Cái này không phải của tôi.. không phải tự ngã của tôi". Ai quán thọ: "Cái này không phải của tôi.. không phải tự ngã của tôi". Ai quán ái: "Cái này không phải của tôi.. không phải tự ngã của tôi".

❖ Này các Tỷ-kheo, do duyên mắt và do duyên các sắc, khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên xúc, khởi lên lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ.

– Vị ấy do cảm xúc lạc thọ, mà hoan hỷ, tán thán, trú ở ái trước. Tham tùy miên của vị ấy tùy tăng.

– Vị ấy do cảm xúc khổ thọ, mà sầu muộn, than van, than khóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh. Sân tùy miên của vị ấy tùy tăng.

– Vị ấy do cảm xúc bất khổ bất lạc thọ, mà không như thật biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi cảm thọ ấy, vô minh tùy miên của vị ấy tùy tăng.

☞ Này các Tỷ-kheo, vị ấy chính do không đoạn tận tham tùy miên đối với lạc thọ, do không tẩy trừ sân tùy miên đối với khổ thọ, do không nhổ lên vô minh tùy miên đối với bất khổ bất lạc thọ, không đoạn tận vô minh, không làm cho minh khởi lên, có thể ngay trong hiện tại là người chấm dứt đau khổ, sự kiện như vậy không xảy ra.

Này các Tỷ-kheo, do duyên tai và do duyên các tiếng, khởi lên nhĩ thức. Này các Tỷ-kheo, do duyên mũi và do duyên các hương khởi lên tỷ thức. Này các Tỷ-kheo, do duyên lưỡi và do duyên các vị khởi lên thiệt thức. Này các Tỷ-kheo, do duyên thân và do duyên các xúc khởi lên thân thức. Này các Tỷ-kheo, do duyên ý và do duyên các pháp khởi lên ý thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên xúc khởi lên lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ.

Vị ấy do cảm xúc lạc thọ, mà hoan hỷ, tán thán, trú ở ái trước, tham tùy miên của vị ấy tùy tăng. Vị ấy do cảm xúc khổ thọ mà sầu muộn, than van, than khóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh; sân tùy miên của vị

ấy tùy tăng. Vị ấy do cảm xúc bất khổ bất lạc thọ, mà không như thật biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi cảm thọ ấy; vô minh tùy miên của vị ấy tùy tăng. Này các Tỷ-kheo, vị ấy chính do không đoạn tận tham tùy miên đối với lạc thọ, do không tẩy trừ sân tùy miên đối với khổ thọ, do không nhổ lên vô minh tùy miên đối với bất khổ bất lạc thọ, không đoạn tận vô minh, không làm cho minh khởi lên, có thể ngay trong hiện tại là người chấm dứt đau khổ, sự kiện như vậy không xảy ra.

❖ Này các Tỷ-kheo do duyên mắt và do duyên các sắc khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên xúc, khởi lên lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ.

- Vị ấy cảm xúc lạc thọ, mà không hoan hỷ, tán thán, trú ở ái trước; tham tùy miên của vị ấy không tùy tăng.

- Vị ấy cảm xúc khổ thọ, mà không sầu muộn, than van, than khóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh; sân tùy miên của vị ấy không tùy tăng.

- Vị ấy cảm xúc bất khổ bất lạc thọ, mà như thật biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi cảm thọ ấy; vô minh tùy miên của vị ấy không tùy tăng.

☞ Này các Tỷ-kheo, vị ấy chính do đoạn tận tham tùy miên đối với lạc thọ, do tẩy trừ sân tùy miên đối với khổ thọ, do nhổ lên vô minh tùy miên đối với bất khổ bất lạc thọ, đoạn tận vô minh, làm cho minh khởi lên, có thể ngay trong hiện tại là người chấm dứt đau khổ, sự kiện như vậy xảy ra.

Này các Tỷ-kheo, do duyên tai và do duyên các tiếng, khởi lên nhĩ thức. Này các Tỷ-kheo, do duyên mũi và do duyên các hương khởi lên tỷ thức. Này các Tỷ-kheo, do duyên lưỡi và do duyên các vị khởi lên thiệt thức. Này các Tỷ-kheo, do duyên thân và do duyên các xúc khởi lên thân thức. Này các Tỷ-kheo, do duyên ý và do duyên các pháp khởi lên ý thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên cảm xúc khởi lên lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ.

Vị ấy cảm xúc lạc thọ mà không hoan hỷ, tán thán, trú ở ái trước; tham tùy miên của vị ấy không tùy tăng. Vị ấy cảm xúc khổ thọ mà không sầu muộn, than van, than khóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh; sân tùy miên của vị ấy không tùy tăng. Vị ấy cảm xúc bất khổ bất lạc thọ mà như thật biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi cảm thọ ấy; vô minh tùy miên của vị ấy không tùy tăng. Này các Tỷ-kheo, vị ấy chính do đoạn tận tham tùy

miên đối với lạc thọ, do tẩy trừ sân tùy miên đối với khổ thọ, do nhổ lên vô minh tùy miên đối với bất khổ bất lạc thọ, đoạn tận vô minh, làm cho minh khởi lên, có thể ngay trong hiện tại là người chấm dứt đau khổ, sự kiện như vậy xảy ra.

Này các Tỷ-kheo, do thấy vậy, vị Đa văn Thánh đệ tử **yếm ly** mắt, yếm ly các sắc, yếm ly nhãn thức; yếm ly nhãn xúc, yếm ly thọ, yếm ly ái. Vị ấy yếm ly tai, yếm ly các tiếng, yếm ly mũi, yếm ly các hương; yếm ly lưỡi, yếm ly các vị; yếm ly thân, yếm ly các xúc; yếm ly ý, yếm ly các pháp; yếm ly ý thức, yếm ly ý xúc, yếm ly thọ, yếm ly ái. **Do yếm ly, vị ấy ly tham. Do ly tham vị ấy giải thoát**. Trong sự giải thoát là sự hiểu biết: "Ta đã được giải thoát". Và vị ấy tuệ tri: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy. Trong khi sự thuyết giảng này được nói lên, tâm của sáu mươi Tỷ-kheo ấy được giải thoát khỏi các lậu hoặc không có chấp thủ.

7 Con đường đưa đến thân kiến đoạn diệt - Kinh Con Đường – Tương III, 86

Con Đường – *Tương* III, 86

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông con đường đưa đến ***thân kiến tập khởi*** và con đường đưa đến ***thân kiến đoạn diệt***. Hãy lắng nghe.

4) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là* ***con đường đưa đến thân kiến tập khởi****?*

5) Ở đây, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu không thấy rõ các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không thấy rõ các bậc Chân nhân, không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân; quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc.

6-8). .. quán thọ... quán tưởng... quán các hành...

9). . quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức.

10) Này các Tỷ-kheo, đây gọi là con đường đưa đến thân kiến tập khởi. Con đường đưa đến thân kiến tập khởi có nghĩa là: Sự quán sát đưa đến khổ tập khởi.

11) *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là **con đường đưa đến thân kiến đoạn diệt**?*

12) Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử thấy rõ các bậc Thánh, thuần thục pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh, thấy rõ các bậc Chân nhân, thuần thục pháp các bậc Chân nhân, tu tập pháp các bậc Chân nhân; không quán sắc như là tự ngã, hay không quán tự ngã như là có sắc, hay không quán sắc ở trong tự ngã, hay không quán tự ngã ở trong sắc.

13-15). .. không quán thọ... không quán tưởng... không quán các hành...

16). .. không quán thức như là tự ngã, hay không quán tự ngã như là có thức, hay không quán thức ở trong tự ngã, hay không quán tự ngã ở trong thức.

17) Này các Tỷ-kheo, đây gọi là con đường đưa đến thân kiến đoạn diệt. Con đường đưa đến thân kiến đoạn diệt có nghĩa là: Sự quán sát đưa đến sự khổ đoạn diệt.

8 Làm sao đoạn tận thân kiến - Kinh KHÔNG THỂ TĂNG TRƯỞNG – Tăng IV, 430

KHÔNG THỂ TĂNG TRƯỞNG – *Tăng* IV, 430

1. - Này các Tỷ-kheo, **nếu ba pháp không có mặt ở đời, thời Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác không xuất hiện ở đời và Pháp, Luật được Như Lai thuyết giảng không được nêu rõ ở đời.** Thế nào là ba?

- **Sanh.**
- **Già.**
- **Và chết.**

Này các Tỷ-kheo, nếu ba pháp này không hiện hữu ở đời, thời Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác không xuất hiện ở đời, và Pháp, Luật do Như Lai thuyết giảng không được nêu rõ ở đời. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, ba pháp này có mặt ở đời, do vậy Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời, do vậy, Pháp, Luật do Như Lai thuyết giảng được nêu rõ ở đời.

3. Này các Tỷ-kheo, không đoạn tận ba pháp thời không có thể đoạn tận **sanh**, thời không có thể đoạn

tận **già**, thời không có thể đoạn tận **chết**. Thế nào là ba?

- Không đoạn tận **tham**.
- Không đoạn tận **sân**.
- Không đoạn tận **si**.

Do không đoạn tận ba pháp này, không có thể đoạn tận sanh, không có thể đoạn tận già, không có thể đoạn tận chết.

5. Này các Tỷ-kheo, do không đoạn tận ba pháp, thời không có thể đoạn tận **tham**, không có thể đoạn tận **sân**, không có thể đoạn tận **si**. Thế nào là ba?

- Không đoạn tận **thân kiến**.
- Không đoạn tận **nghi**.
- Không đoạn tận **giới cấm thủ.**

Do không đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo, không có thể đoạn tận tham, không có thể đoạn tận sân, không có thể đoạn tận si.

7. Này các Tỷ-kheo, do không đoạn tận ba pháp, không có thể đoạn tận thân kiến, không có thể đoạn tận nghi, không có thể đoạn tận giới cấm thủ. Thế nào là ba?

1. Không đoạn tận **phi như lý tác ý**.
2. Không đoạn tận **tu tập tà đạo.**
3. Không đoạn tận **tánh thụ động**.

Do không đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo, không có thể đoạn tận thân kiến, không có thể đoạn tận nghi, không có thể đoạn tận giới cấm thủ.

9. Này các Tỷ-kheo, do không đoạn tận ba pháp, không có thể đoạn tận phi như lý tác ý, không có thể đoạn tận tu tập tà đạo, không có thể đoạn tận tánh thụ động. Thế nào là ba?

1. Không đoạn tận **vọng niệm**.
2. Không đoạn tận **không tỉnh giác**.
3. Không đoạn tận **tâm loạn động**.

Do không đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo, không có thể đoạn tận phi như lý tác ý, không có thể đoạn tận tu tập tà đạo, không có thể đoạn tận tánh thụ động.

11. Này các Tỷ-kheo, do không đoạn tận ba pháp, không có thể đoạn tận vọng niệm, không có thể đoạn không tỉnh giác, không có thể đoạn tận tâm loạn động. Thế nào là ba?

1. Không đoạn tận **không muốn yết kiến các bậc Thánh**.
2. Không đoạn tận **không muốn nghe Thánh pháp**.
3. Không đoạn tận **bới lông tìm vết**.

Do không đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo, không có thể đoạn tận vọng niệm, không có thể đoạn tận không tỉnh giác, không có thể đoạn tận tâm loạn động.

13. Này các Tỷ-kheo, do không đoạn tận ba pháp, không có thể đoạn tận không muốn yết kiến các bậc Thánh, không có thể đoạn tận không muốn nghe Thánh pháp, không có thể đoạn tận bới lông tìm vết. Thế nào là ba?

1. Không đoạn tận **trạo cử.**
2. Không đoạn tận **không chế ngự**.
3. Không đoạn tận **ác giới**.

Do không đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo, không có thể đoạn tận không muốn yết kiến các bậc Thánh, không có thể đoạn tận không muốn nghe Thánh pháp, không có thể đoạn tận tâm bới lông tìm vết.

15. Này các Tỷ-kheo, do không đoạn tận tâm ba pháp, không có thể đoạn tận trạo cử, không có thể đoạn tận không chế ngự, không có thể đoạn tận ác giới. Thế nào là ba?

1. Không đoạn tận không có lòng tin.
2. Không đoạn tận xan tham.
3. Không đoạn tận biếng nhác.

Do không đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo, không có thể đoạn tận trạo cử, không có thể đoạn tận không chế ngự, không có thể đoạn tận ác giới.

17. Này các Tỷ-kheo, do không đoạn tận ba pháp, không có thể đoạn tận không có lòng tin, không có thể đoạn tận xan tham, không có thể đoạn tận biếng nhác. Thế nào là ba?

1. Không đoạn tận không cung kính.
2. Không đoạn tận khó nói.
3. Không đoạn tận ác bằng hữu.

Do không đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo không có thể đoạn tận xan tham, không có thể đoạn tận biếng nhác.

19. Này các Tỷ-kheo, do không đoạn tận ba pháp, không có thể đoạn tận không cung kính, không có

thể đoạn tận khó nói, không có thể đoạn tận ác bằng hữu. Thế nào là ba?

1. Không đoạn tận không xấu hổ.
2. Không đoạn tận không sợ hãi.
3. Không đoạn tận phóng dật.

Do ba pháp này không đoạn tận, này các Tỷ-kheo, không có thể đoạn tận không cung kính, không có thể đoạn tận khó nói, không có thể đoạn tận ác bằng hữu.

21. Này các Tỷ-kheo:

1. *Người này không có xấu hổ, không có sợ hãi, có phóng dật.*
2. *Người ấy do phóng dật, không có thể đoạn tận không cung kính, không có thể đoạn tận khó nói, không có thể đoạn tận ác bằng hữu.*
3. *Người ấy do ác bằng hữu, không có thể đoạn tận không có lòng tin, không có thể đoạn tận xan tham, không có đoạn tận biếng nhác.*
4. *Vị ấy do biếng nhác, không có thể đoạn tận trạo cử, không có thể đoạn tận không chế ngự, không có thể đoạn tận ác giới.*
5. *Vị ấy do ác giới, không có thể đoạn tận không ưa yết kiến các bậc Thánh, không có thể đoạn*

tận không ưa nghe Thánh pháp, không có thể đoạn tận bới lông tìm vết.

6. *Vị ấy do bới lông tìm vết, không có thể đoạn tận vọng niệm, không có thể đoạn tận không có tỉnh giác, không có thể đoạn tận tâm loạn động.*
7. *Vị ấy do tâm loạn động, không có thể đoạn tận phi như lý tác ý, không có thể đoạn tận tu tập tà đạo, không có thể đoạn tận tánh thụ động.*
8. *Vị ấy do tâm thụ động, không có thể đoạn tận tâm thân kiến, không có thể đoạn tận nghi, không có thể đoạn tận giới cấm thủ.*
9. *Vị ấy do nghi hoặc, không có thể đoạn tận tham, không có thể đoạn tận sân, không có thể đoạn tận si.*
10. *Vị ấy do không đoạn tận tham, không đoạn tận sân, không đoạn tận si, không có thể đoạn tận sanh, không có thể đoạn tận già, không có thể đoạn tận chết.*

22. Do đoạn tận ba pháp, này các Tỷ-kheo, có thể **đoạn tận sanh**, có thể đoạn tận **già**, có thể đoạn tận **chết**. Thế nào là ba?

1. Do đoạn tận tham.
2. Do đoạn tận sân.
3. Do đoạn tận si.

Do đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể đoạn tận sanh, có thể đoạn tận già, có thể đoạn tận chết.

24. Này các Tỷ-kheo, do ba pháp được đoạn tận, có thể đoạn tận tham, có thể đoạn tận sân, có thể đoạn tận si. Thế nào là ba?

1. Do đoạn tận thân kiến.
2. Do đoạn tận nghi.
3. Do đoạn tận giới cấm thủ.

Do đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể đoạn tận tham, có thể đoạn tận sân, có thể đoạn tận si.

26. Này các Tỷ-kheo, do ba pháp được đoạn tận, có thể đoạn tận thân kiến, có thể đoạn tận nghi, có thể đoạn tận giới cấm thủ. Thế nào là ba?

1. Do đoạn tận phi như lý tác ý.
2. Do đoạn tận thực hành tà đạo.
3. Do đoạn tận tánh thụ động.

Do đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể đoạn tận thân kiến, có thể đoạn tận nghi, có thể đoạn tận giới cấm thủ.

28. Này các Tỷ-kheo, do đoạn tận ba pháp, có thể đoạn tận phi như lý tác ý, có thể đoạn tận thực hành tà đạo, có thể đoạn tận tánh thụ động. Thế nào là ba?

1. Do đoạn tận vọng niệm.
2. Do đoạn tận không tỉnh giác.
3. Do đoạn tận tâm loạn động.

Do đoạn tận ba pháp, này các Tỷ-kheo, có thể đoạn tận phi như lý tác ý, có thể đoạn tận không tỉnh giác, có thể đoạn tận tánh thụ động.

30. Này các Tỷ-kheo, do đoạn tận ba pháp, có thể đoạn tận vọng niệm, có thể đoạn tận không tỉnh giác, có thể đoạn tận tâm loạn động. Thế nào là ba?

1. Do đoạn tận không muốn yết kiến các bậc Thánh.
2. Do đoạn tận không muốn nghe Thánh pháp.
3. Do đoạn tận bới lông tìm vết.

Do đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể đoạn tận vọng niệm, có thể đoạn tận không tỉnh giác, có thể đoạn tận tâm loạn động.

32. Này các Tỷ-kheo, do đoạn tận ba pháp, do đoạn tận ba pháp, có thể đoạn tận không muốn yết kiến các bậc Thánh, có thể đoạn tận không muốn nghe

Chánh pháp, có thể đoạn tận bới lông tìm vết. Thế nào là ba?

1. Do đoạn tận trạo cử.
2. Do đoạn tận không chế ngự.
3. Do đoạn tận ác giới.

Do đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo, đoạn tận không muốn nghe Thánh pháp, có thể đoạn tận bới lông tìm vết.

34. Này các Tỷ-kheo, do đoạn tận ba pháp, có thể đoạn tận trạo cử, có thể đoạn tận không chế ngự, có thể đoạn tận ác giới. Thế nào là ba?

1. Do đoạn tận không có lòng tin.
2. Do đoạn tận xan tham.
3. Do đoạn tận biếng nhác.

Do đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể đoạn tận trạo cử, có thể đoạn tận không chế ngự, có thể đoạn tận ác giới.

36. Này các Tỷ-kheo, do đoạn tận ba pháp, có thể đoạn tận không có lòng tin, có thể đoạn tận xan tham, có thể đoạn tận biếng nhác. Thế nào là ba?

1. Do đoạn tận không cung kính.
2. Do đoạn tận khó nói.

3. Do đoạn tận ác bằng hữu.

Do đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể đoạn tận không có lòng tin, có thể đoạn tận không có lòng tin, có thể đoạn tận xan tham, có thể đoạn tận biếng nhác.

38. Này các Tỷ-kheo, do đoạn tận ba pháp, có thể đoạn tận không cung kính, có thể đoạn tận khó nói, có thể đoạn tận ác bằng hữu. Thế nào là ba?

1. Do đoạn tận không xấu hổ.
2. Do đoạn tận không sợ hãi.
3. Do đoạn tận phóng dật.

Do đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể đoạn tận không cung kính, có thể đoạn tận khó nói, có thể đoạn tận ác bằng hữu.

40. Này các Tỷ-kheo:

1. *Người này có xấu hổ có sợ hãi, không có phóng dật.*
2. *Người ấy do không phóng dật, có thể đoạn tận không cung kính, có thể đoạn tận khó nói, có thể đoạn tận ác bằng hữu.*

3. *Người ấy do thiện bằng hữu, có thể đoạn tận không có lòng tin, có thể đoạn tận xan tham, có thể đoạn tận biếng nhác.*
4. *Người ấy do tinh cần tinh tấn, có thể đoạn tận trạo cử, có thể đoạn tận không chế ngự, có thể đoạn tận ác giới.*
5. *Người ấy do giới đức, có thể đoạn tận không muốn yết kiến các bậc Thánh, có thể đoạn tận không muốn nghe Thánh pháp, có thể đoạn tận bới lông tìm vết.*
6. *Người ấy do không bới lông tìm vết, có thể đoạn tận vọng niệm, có thể đoạn tận không tỉnh giác, có thể đoạn tận tâm không loạn động.*
7. *Người ấy do tâm không loạn động, có thể đoạn tận phi như lý tác ý, có thể đoạn tận tu tập tà đạo, có thể đoạn tận tâm thụ động.*
8. *Người ấy do tâm không thụ động, có thể đoạn tận thân kiến, có thể đoạn tận nghi, có thể đoạn tận giới cấm thủ.*
9. *Người ấy do không có nghi hoặc, có thể đoạn tận tham, có thể đoạn tận sân, có thể đoạn tận si.*
10. *Vị ấy do đoạn tận tham, do đoạn tận sân, do đoạn tận si, có thể đoạn tận sanh, có thể đoạn tận già, có thể đoạn tận chết.*

9 Thái độ nghe giảng về 5 uẩn - ĐẠI Kinh MALUNKYAPUTTA - 64 Trung II, 205

ĐẠI KINH MALUNKYAPUTTA

(Mahamalunkyaputta suttam)

– Bài kinh số 64 –* Trung *II, 205

Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Savatthi, Jetavana, tại tịnh xá ông Anathapindika. Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo". – "Bạch Thế Tôn". Những vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, các Ông có thọ trì năm hạ phần kiết sử do Ta giảng dạy không?

Được nghe nói vậy, Tôn giả Malunkyaputta bạch Thế Tôn:

– Con có thọ trì năm hạ phần kiết sử do Thế Tôn giảng dạy.

– Năm hạ phần kiết sử do Ta giảng dạy, này Malunkyaputta, Ông thọ trì như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, con thọ trì thân kiến là hạ phần kiết sử do Thế Tôn giảng dạy. Bạch Thế Tôn con thọ trì nghi là hạ phần kiết sử do Thế Tôn giảng dạy. Bạch Thế Tôn, con thọ trì giới cấm thủ là hạ phần kiết sử do Thế Tôn giảng dạy. Bạch Thế Tôn, con thọ trì dục tham là hạ phần kiết sử do Thế Tôn giảng dạy. Bạch Thế Tôn, con thọ trì sân là hạ phần kiết sử do Thế Tôn giảng dạy. Như vậy, bạch Thế Tôn, con thọ trì năm hạ phần kiết sử do Thế Tôn giảng dạy.

– Này Malunkyaputta, vì vấn đề gì (hay vì ai) Ông thọ trì năm hạ phần kiết này do Ta giảng dạy?

Này Malunkyaputta, có phải các tu sĩ ngoại đạo cật vấn Ông với ví dụ này về đứa con nít? Này Malunkyaputta, nếu một đứa con nít ngây thơ đang nằm ngủ không có tự thân, thời đâu nó có thể khởi lên thân kiến? Thân kiến tùy miên thật sự sống tiềm tàng trong nó. Này Malunkyaputta, nếu một đứa con nít ngây thơ, đang nằm ngửa không có các pháp, thời từ đâu nó có thể khởi lên nghi hoặc đối với các pháp? Nghi tùy miên thật sự sống tiềm tàng trong nó. Này

Malunkyaputta, nếu một đứa con nít ngây thơ đang nằm ngửa không có giới, thời từ đâu nó có thể khởi lên giới cấm thủ trong các giới? Giới cấm thủ tùy miên thật sự sống tiềm tàng trong nó. Này Malunkyaputta, nếu một đứa con nít ngây thơ đang nằm ngửa không có những dục, thời từ đâu nó có thể khởi lên lòng dục tham trong các dục? Dục tham, tùy miên thật sự sống tiềm tàng trong nó. Này Malunkyaputta, nếu một đứa con nít ngây thơ đang nằm ngửa không có các loài hữu tình, thời từ đâu nó có thể khởi lên lòng sân đối với các loài hữu tình? Sân tùy miên thật sự sống tiềm tàng trong nó.

Này Malunkyaputta, có phải các tu sĩ ngoại đạo cật vấn Ông với ví dụ này về đứa con nít?

Được nghe nói vậy, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời, Bạch Thiện Thệ, nay đã đến thời để Thế Tôn thuyết giảng năm hạ phần kiết sử. Sau khi nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

– Vậy Ananda, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

☞ Ở đây, này Ananda, **có kẻ vô văn phàm phu**, không đến yết kiến các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không đến yết kiến các bậc Chân nhân, không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân:

- **Vị ấy sống với tâm bị triền phược bởi thân kiến**, bị chi phối bởi thân kiến, và không như thật tuệ tri sự xuất ly thân kiến đã khởi lên. **Thân kiến này của vị ấy kiên cố, không được nhiếp phục, trở thành một hạ phần kiết sử**.
- Vị ấy sống với tâm bị nghi hoặc triền phược, bị nghi hoặc chi phối, và không như thật tuệ tri sự xuất ly nghi hoặc đã khởi lên. Nghi hoặc này của vị ấy kiên cố, không được nhiếp phục, trở thành một hạ phần kiết sử.
- Vị ấy sống với tâm bị giới cấm thủ triền phược, bị giới cấm thủ chi phối và không như thật tuệ tri sự xuất ly giới cấm thủ đã khởi lên. Giới cấm thủ này của vị ấy kiên cố, không được nhiếp phục, trở thành một hạ phần kiết sử.
- Vị ấy sống với tâm bị dục tham triền phược, bị

dục tham chi phối và không như thật biết sự xuất ly dục tham đã khởi lên, dục tham này của vị ấy kiên cố, không được nhiếp phục, trở thành một hạ phần kiết sử.

– Vị ấy sống với tâm bị sân triền phược, bị sân chi phối và không như thật tuệ tri, sự xuất ly sân đã khởi lên. Sân này của vị ấy kiên cố, không được nhiếp phục, trở thành một hạ phần kiết sử.

☞ Và này Ananda, **có vị Đa văn Thánh đệ tử**, đến yết kiến các bậc Thánh, thuần thục pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh, đến yết kiến các bậc Chân nhân, thuần thục pháp các bậc Chân nhân, tu tập pháp các bậc Chân nhân:

– **Vị này sống với tâm không bị thân kiến triền phược**, không bị thân kiến chi phối, và vị này như thật tuệ tri sự xuất ly dục tham đã khởi lên. Thân kiến này của vị ấy với tùy miên được đoạn trừ.

– Vị này sống với tâm không bị nghi hoặc triền phược, không bị nghi hoặc chi phối, và vị này như thật tuệ tri sự xuất ly nghi hoặc đã khởi lên. Nghi hoặc này của vị ấy với tùy miên được đoạn trừ.

– Vị ấy sống với tâm không bị giới cấm thủ triền phược, không bị giới cấm thủ chi phối và vị này như thật tuệ tri sự xuất ly giới cấm thủ đã khởi lên, giới cấm thủ của vị ấy với tùy miên được đoạn trừ.

– Vị này sống với tâm không bị dục tham triền phược, không bị dục tham chi phối, và vị này như thật tuệ tri sự xuất ly dục tham đã khởi lên. Dục tham này của vị ấy với tùy miên được đoạn trừ.

– Vị này sống với tâm không bị sân triền phược, không bị sân chi phối, và vị này như thật tuệ tri sự xuất ly sân được khởi lên. Sân này của vị ấy với tùy miên được đoạn trừ.

❖ **Này Ananda, con đường nào, lộ trình nào đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, nếu không thực hành con đường ấy, lộ trình ấy, nhưng năm hạ phần kiết sử được biết rõ, hay được thấy rõ, hay được đoạn trừ, sự tình như vậy không xảy ra.**

Ví như, này Ananda, đối với một cây lớn đứng thẳng có lõi cây nếu người ấy không đẽo vỏ trong, không đẽo giác cây, nhưng vẫn có thể đẽo được lõi cây, sự tình này không xảy ra. Cũng vậy này Ananda, con đường nào, lộ trình nào đưa đến sự đoạn trừ năm

hạ phần kiết sử, nếu không thực hành con đường ấy, lộ trình ấy, nhưng năm hạ phần kiết sử sẽ được biết rõ, hay sẽ được thấy rõ, hay sẽ được đoạn trừ, sự tình như vậy không xảy ra.

- ❖ **Và này Ananda, con đường nào, lộ trình nào đưa đến đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, nếu thực hành con đường ấy, lộ trình ấy, thời năm hạ phần kiết sử sẽ được biết rõ, hãy sẽ được thấy rõ, hay sẽ được đoạn trừ, sự tình như vậy xảy ra.**

Ví như, này Ananda, đối với một cây lớn, đứng thẳng, có lõi cây, nếu người ấy sau khi đẻo vỏ trong, sau khi đẻo giác cây, thời sẽ đẻo được lõi cây, sự tình này xảy ra. Cũng vậy này Ananda, con đường nào, lộ trình nào đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, nếu thực hành con đường ấy, đạo lộ ấy, thời năm hạ phần kiết sử sẽ được biết rõ, hay sẽ được thấy rõ, hay sẽ được đoạn diệt, sự tình như vậy xảy ra.

Này Ananda, ví như sông Hằng, nước đầy tràn, con quạ có thể uống được. Rồi một người ốm yếu đi đến và nghĩ như sau: "Sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, với tay của ta, ta sẽ đến bờ bên kia an toàn". Nhưng người ấy không thể sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, với tay của người ấy, đến

được bờ bên kia an toàn. Cũng vậy, này Ananda, **bất cứ ai, khi được giảng pháp để đoạn trừ thân kiến, nếu tâm của vị ấy không thích thú, không hoan hỷ, không có định tĩnh, không có giải thoát, thời vị ấy cần phải được xem là giống người ốm yếu kia.**

Này Ananda, ví như sông Hằng, nước lớn, đầy tràn, con quạ có thể uống được. Rồi một người lực sĩ đi đến và nghĩ như sau: "Sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, với tay của ta, ta sẽ đến bờ bên kia an toàn". Người ta có thể sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng với tay của người ấy, đến được bờ bên kia an toàn. Cũng vậy, này Ananda, **bất cứ ai, khi được giảng pháp để được đoạn trừ thân kiến, nếu tâm của vị ấy thích thú, hoan hỷ, có định tĩnh, có giải thoát, thời vị ấy được xem là giống như người lực sĩ kia**

☞ Và này Ananda, **thế nào là con đường, thế nào là lộ trình đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử?**

– Ở đây, này Ananda, Tỷ-kheo do viễn ly các sanh y (Upadhiviveka) do đoạn trừ các bất thiện pháp, do làm cho an tịnh thân thô ác hành một cách toàn diện, ly dục, ly bất thiện pháp,

chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ.

– Vị này **chánh quán** mọi **sắc** pháp, **thọ** pháp, **tưởng** pháp, **hành** pháp, **thức** pháp là vô thường, khổ, như bệnh, như cục bướu, như mũi tên, như điều bất hạnh, như bệnh chướng, như kẻ địch, như phá hoại, là không, là vô ngã. **Vị này giải thoát tâm khỏi các pháp ấy.**

– Sau khi giải thoát tâm khỏi các pháp ấy, vị ấy tập trung tâm vào **bất tử giới** (Amatadhatu) và nghĩ rằng: "*Đây là tịch tịnh, đây là vi diệu, tức là sự an chỉ tất cả hành, sự xả ly tất cả sanh y, sự ái diệt, vô tham, đoạn diệt, Niết-bàn*".

⇨ Nếu an trú vững chắc ở đây, vị này đạt đến sự đoạn tận các lậu hoặc.

⇨ Nếu vị ấy không đạt đến sự đoạn tận các lậu hoặc, thời do sự tham pháp, hỷ pháp của mình, thời do sự đoạn tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy được hóa sanh, nhập Niết-bàn ở đấy, không phải trở lui đời này nữa.

Này Ananda, đây là con đường, đây là lộ trình đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử.

Lại nữa, này Ananda, Tỷ-kheo diệt tầm và tứ, chứng và trú **Thiền thứ hai**, một trạng thái hỷ lạc do

định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhứt tâm...

...**Thiền thứ ba**...

...chứng và trú **Thiền thứ tư**. Vị này chánh quán mọi sắc pháp, thọ pháp, tưởng pháp, hành pháp, thức pháp là vô thường... (như trên)... không phải trở lui đời này nữa. Này Ananda, đây là con đường, đây là lộ trình đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử.

Lại nữa, này Ananda, Tỷ-kheo vượt lên mọi sắc tưởng, diệt trừ mọi chướng ngại tưởng, không tác ý đối với dị tưởng, vị Tỷ-kheo nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú **Hư không vô biên xứ**. Vị này chánh quán mọi sắc pháp, thọ pháp, tưởng pháp, hành pháp, thức pháp là vô thường... (như trên)... không phải trở lui đời này nữa. Này Ananda, đây là con đường, đây là lộ trình đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử.

Lại nữa, này Ananda, Tỷ-kheo vượt lên mọi Hư không vô biên xứ, nghĩ rằng: "Thức là vô biên", chứng và trú **Thức vô biên xứ**... (như trên)...

... vượt lên mọi Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có vật gì", chứng và trú **Vô sở hữu xứ**. Vị này chánh quán mọi sắc pháp, thọ pháp, tưởng pháp, hành pháp, thức pháp là vô thường, khổ, như bệnh,

như cục bướu, như mũi tên, như điều bất hạnh, như bệnh chướng, như kẻ địch, như phá hoại, là không, là vô ngã. Vị này giải thoát tâm khỏi các pháp ấy. Sau khi giải thoát tâm khỏi các pháp ấy, vị ấy tập trung vào **bất tử giới** và nghĩ rằng: *"Đây là tịch tịnh, đây là vi diệu, tức là sự an chỉ tất cả hành, sự xả ly tất cả sanh y, sự ái diệt, vô tham, đoạn diệt, Niết-bàn"*. Nếu an trú vững chắc ở đây, vị này đạt đến sự đoạn tận các lậu hoặc. Nếu vị ấy không đạt đến sự đoạn tận các lậu hoặc, thời do sự tham pháp, hỷ pháp của mình, do sự đoạn tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy được hóa sanh, nhập Niết-bàn ở đấy, không phải trở lui đời này nữa.

Này Ananda, **đây là con đường, đây là lộ trình đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử**.

➲ *Bạch Thế Tôn, nếu đây là con đường, đây là lộ trình đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử thời do hành trì như thế nào mà một số vị Tỷ-kheo chứng* ***tâm giải thoát****, một số chứng* ***tuệ giải thoát****?*

– Ở đây, này Ananda, **Ta nói rằng do sự sai khác về căn tánh.**

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Ananda, hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

10 Thân kiến, nghi, giới cấm thủ - Kinh CẦN PHẢI ĐOẠN TẬN – Tăng III, 253

CẦN PHẢI ĐOẠN TẬN –*Tăng* III, 253

1. - Không đoạn tận sáu pháp, này các Tỷ-kheo, không có thể chứng tri kiến đầy đủ.

2. Thế nào là sáu?

- Thân kiến, nghi, giới cấm thủ,
- Tham đưa đến đọa xứ,
- Sân đưa đến đọa xứ,
- Si đưa đến đọa xứ.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, không chứng tri kiến đầy đủ. Thế nào là sáu?

3. Đoạn tận sáu pháp, này các Tỷ-kheo, có thể chứng tri kiến đầy đủ.

4. Thế nào là sáu?

- Thân kiến, nghi, giới cấm thủ,
- Tham đưa đến đọa xứ, sân đưa đến đọa xứ, si đưa đến đọa xứ.

Đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể chứng tri kiến đầy đủ.

11 Tàn dư ngã mạn - Kinh Khema – Tương III, 230

Khema – *Tương* III, 230

1) Một thời, nhiều Tỷ-kheo Trưởng lão sống ở Kosambi, tại vườn Ghosita.

2) Lúc bấy giờ, Tôn giả Khemaka trú tại vườn Badarica, bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh.

3) Rồi các Tỷ-kheo Trưởng lão, vào buổi chiều, từ chỗ tịnh cư đứng dậy và gọi Tôn giả Dàsaka:

- Hãy đến đây, này Hiền giả Dàsaka! Hãy đi đến Tỷ-kheo Khemaka; sau khi đến, hãy nói với Tỷ-kheo Khemaka: "Này Hiền giả Khemaka, các Trưởng lão nói với Hiền giả như sau: *'Này Hiền giả, Hiền giả có kham nhẫn được không? Hiền giả có chịu đựng được không? Có phải khổ thọ tổn giảm không tăng trưởng? Có phải có những dấu hiệu tổn giảm, không phải tăng trưởng?'*"

4) -Thưa vâng, chư Hiền.

Tôn giả Dàsaka vâng đáp các Tỷ-kheo ấy, đi đến Tôn giả Khemaka, sau khi đến, nói với Tôn giả Khemaka:

- Các Trưởng lão, này Hiền giả Khemaka, nói với Hiền giả như sau: "Hiền giả có kham nhẫn được không? Này Hiền giả Khemaka... không phải tăng trưởng?"

5) -Tôi không có thể kham nhẫn, thưa Hiền giả... tôi không có thể chịu đựng... có những dấu hiệu tăng trưởng, không phải thuyên giảm!

6) Rồi Tôn giả Dàsaka đi đến các Tỷ-kheo Trưởng lão; sau khi đến, thưa với các Tỷ-kheo Trưởng lão:

- Thưa chư Hiền, Tỷ-kheo Khemaka nói như sau: "Tôi không có thể kham nhẫn, này Hiền giả... có những dấu hiệu tăng trưởng, không phải thuyên giảm!"

7) Hãy đến đây, Hiền giả Dàsaka! Hãy đi đến Tỷ-kheo Khemaka; sau khi đến, nói với Tỷ-kheo Khemaka như sau: "Này Hiền giả Khemaka, các bậc Trưởng lão nói với Hiền giả như sau: *'Này Hiền giả, Thế Tôn có nói đến **năm thủ uẩn**, tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Trong năm thủ uẩn này, Tôn giả Khemaka quán có cái gì là tự ngã hay ngã sở không?'"*

8) -Thưa vâng, chư Hiền.

Tôn giả Dàsaka vâng đáp các Tỷ-kheo Trưởng lão, đi đến Tôn giả Khemaka, sau khi đến...

- Các bậc Trưởng lão, này Hiền giả, nói với Hiền giả như sau: "Này Hiền giả, Thế Tôn có nói đến năm thủ uẩn này, tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn. Trong năm thủ uẩn này, Tôn giả Khemaka quán có cái gì là tự ngã hay ngã sở không?"

9) -Thưa Hiền giả, Thế Tôn có nói đến năm thủ uẩn này, tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn. Trong năm thủ uẩn này, này Hiền giả, tôi không quán cái gì là tự ngã hay ngã sở cả.

10) Rồi Tôn giả Dàsaka đi đến các Tỷ-kheo Trưởng lão; sau khi đến, nói với các Tỷ-kheo Trưởng lão:

- Tỷ-kheo Khemaka, thưa chư Hiền, đã nói như sau: "Thưa Hiền giả, Thế Tôn có nói đến năm thủ uẩn này, tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn. Trong năm thủ uẩn này, này Hiền giả, tôi không quán cái gì là tự ngã hay ngã sở cả!"

11) - Hãy đến đây, Hiền giả Dàsaka! Hãy đi đến Tỷ-kheo Khemaka; sau khi đến, nói với Tỷ-kheo Khemaka như sau: "Các vị Trưởng lão, này Hiền giả Khemaka, nói với Hiền giả như sau: *'Hiền giả Khemaka, Thế Tôn có nói đến năm thủ uẩn này, tức*

là sắc thủ uẩn...thức thủ uẩn. Trong năm thủ uẩn này, nếu Tôn giả Khemaka không quán cái gì là tự ngã hay ngã sở cả, thời Tôn giả Khemaka là vị A-la-hán, các lậu hoặc đã được đoạn tận".

12) -Thưa vâng, chư Hiền giả.

Tôn giả Dàsaka vâng đáp các Tỷ-kheo Trưởng lão, đi đến Tôn giả Khemaka...

- Này Hiền giả Khemaka, các bậc Tỷ-kheo Trưởng lão nói với Hiền giả như sau: "Thưa Hiền giả, Thế Tôn có nói đến năm thủ uẩn này, tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn. Nếu Tôn giả Khemaka, trong năm thủ uẩn này, không quán cái nào là tự ngã hay ngã sở, thời Tôn giả Khemaka là bậc A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc".

13). .. - Thưa Hiền giả, Thế Tôn có nói đến năm thủ uẩn này, tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn. Trong năm thủ uẩn này, này Hiền giả, tôi không quán cái gì là tự ngã hay ngã sở cả. Nhưng tôi không phải là bậc A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc. Và thưa Hiền giả, trong năm thủ uẩn này, **dầu cho tôi có chứng được:** "Tôi là", tuy vậy tôi cũng không quán: "Cái này là tôi".

14) Rồi Tôn giả Dàsaka đi đến Tỷ-kheo Trưởng lão... nói với các Tỷ-kheo Trưởng lão:

- Tỷ-kheo Khemaka, thưa chư Hiền, đã nói như sau: "Thưa Hiền giả, Thế Tôn có nói đến năm thủ uẩn này, tức là sắc thủ uẩn... thức thủ uẩn. Trong năm thủ uẩn này, thưa Hiền giả, tôi không quán cái gì là ngã hay là ngã sở. Tuy vậy, tôi không phải là bậc A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc. Và thưa Hiền giả, trong năm thủ uẩn, dầu cho tôi chứng được: "Tôi là", tuy vậy tôi cũng không quán: " Cái này là tôi ".

15) Hãy đến đây, Hiền giả Dàsaka! Hãy đi đến Tỷ-kheo Khemaka; sau khi đến, hãy nói với Tỷ-kheo Khemaka: Thưa Hiền giả Khemaka, các Tỷ-kheo Trưởng lão nói với Hiền giả như sau: *"Này Hiền giả Khemaka, cái mà Hiền giả nói: "Tôi là", là cái gì? Hiền giả nói: "Tôi là sắc?" Hiền giả nói: "Tôi là khác sắc?. ..; Hiền giả nói: "Tôi là thức?"; Hiền giả nói: "Tôi là khác thức?". Này Hiền giả Khemaka, cái mà Hiền giả nói: "Tôi là", là cái gì?"*

16) - Thưa vâng.

Tôn giả Dàsaka vâng đáp các Tỷ-kheo Trưởng lão, đi đến Tôn giả Khemaka...

17) - Thôi vừa rồi, Hiền giả Dàsaka chạy qua, chạy lại như thế này để làm gì? Hãy đem gậy lại đây! Ta sẽ đi đến các Tỷ-kheo Trưởng lão!

18) Rồi Tôn giả Khemaka chống gậy đi đến các Tỷ-kheo Trưởng lão; sau khi đến, nói lên với các Tỷ-kheo Trưởng lão những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

19) Các Tỷ-kheo Trưởng lão nói với Tôn giả Khemaka đang ngồi một bên:

- Này Hiền giả Khemaka, cái mà Hiền giả nói: "Tôi là", cái mà Hiền giả nói: "Tôi là", là cái gì? Hiền giả nói: "Tôi là sắc?"; Hiền giả nói: "Tôi là khác sắc"... "là thọ... là tưởng... là các hành"...; Hiền giả nói: "Tôi là thức?"; Hiền giả nói: "Tôi là khác thức?"; Này Hiền giả Khemaka, cái mà Hiền giả nói: "Tôi là", cái mà Hiền giả nói "Tôi là", là cái gì?

20) - Thưa chư Hiền, tôi không nói: "Tôi là sắc". Tôi không nói: "Tôi là khác sắc"... "là thọ... là tưởng... là các hành"... Tôi không nói: "Tôi là thức". Tôi cũng không nói: "Tôi là khác thức". Dầu rằng, này các Hiền giả, Tôi có chứng được (tư tưởng): "Tôi là", nhưng tôi không có quán: "Cái này là tôi".

21) *Ví như, này chư Hiền, hương thơm của hoa sen xanh, hay hoa sen hồng, hay hoa trắng, nếu có người nói: "Hương thuộc về lá hay thuộc về sắc, hay thuộc về nhụy hoa", nói như vậy có nói đúng không?*

- Thưa không, này Hiền giả.

- *Vậy chư Hiền, trả lời như thế nào là trả lời một cách đúng đắn?*

Chư Hiền, hương là của hoa. Trả lời như vậy là trả lời một cách đúng đắn.

22) Cũng vậy, này chư Hiền, tôi không nói: "Tôi là sắc"; tôi không nói: "Tôi là khác sắc"... "Tôi là thọ"... "Tôi là tưởng"... "Tôi là các hành"... Tôi không nói: "Tôi là thức". Tôi không nói: "Tôi là khác thức". Nhưng này chư Hiền, dầu rằng đối với năm thủ uẩn của tôi được có này, tôi không có quán: "Cái này là tôi".

23) ***Dầu cho*** *đối với vị Thánh đệ tử, này chư Hiền,* ***năm hạ phần kiết sử đã được đoạn tận****, nhưng vị ấy còn nghĩ: "Đối với năm thủ uẩn,* ***vẫn còn dư tàn tế nhị"****. Dư tàn* ***kiêu mạn*** *"Tôi là", dư tàn* ***dục*** *"Tôi là", dư tàn* ***tùy miên*** *"Tôi là" chưa được vị ấy đoạn trừ.* ***Vị ấy sau một thời gian, sống quán sự sanh diệt trong năm thủ uẩn:*** *"Đây là sắc, đây là sắc tập khởi,*

đây là sắc đoạn diệt. Đây là thọ... Đây là tưởng... Đây là các hành... Đây là thức, đây là thức tập khởi, đây là thức đoạn diệt"

24) *Vì rằng vị ấy sống, **quán sự sanh diệt trong năm thủ uẩn** này, các **dư tàn** ngã mạn (?) "Tôi là", các dư tàn ngã dục "Tôi là", các dư tàn ngã tùy miên (?) "Tôi là", mà vị ấy chưa được đoạn trừ, nay đi đến đoạn tận.*

25) *Này chư Hiền, ví như một tấm vải nhớp nhúa dính bụi, những người chủ giao nó cho một người thợ giặt. Người thợ giặt sau khi nhồi nó, đập nó trong nước muối, hay trong nước tô đã, trong nước phân bò rồi giặt sạch nó trong nước trong. **Dầu cho tấm vải ấy nay được sạch sẽ, trong trắng, nhưng nó vẫn còn dư tàn mùi muối hay mùi tô đã, hay mùi phân bò**. Người thợ giặt giao lại tấm vải cho những người chủ. Những người chủ đem bỏ nó vào trong **một cái hòm có ướp hương thơm**. Như vậy cái dư tàn mùi muối hay mùi tô đã bay mùi phân bò chưa được đoạn tận, nay được đoạn trừ.*

26-27) *Cũng vậy, này chư Hiền, dầu cho vị Thánh đệ tử **đã đoạn tận năm hạ phần kiết sử**, nhưng với vị ấy, cái dư tàn trong năm thủ uẩn, dư tàn ngã mạn "Tôi là", dư tàn ngã dục "Tôi là", dư tàn ngã tùy miên: "Tôi là" chưa được đoạn trừ. Vị ấy sau một*

*thời gian, **sống tùy quán sự sanh diệt trong năm thủ uẩn**: "Đây là sắc, đây là sắc tập khởi, đây là sắc đoạn diệt. Đây là thọ... đây là tưởng... đây là các hành... đây là thức, đây là thức tập khởi, đây là thức đoạn diệt". Vì rằng vị ấy <u>sống</u> tùy quán sự sanh diệt trong năm thủ uẩn này <u>nên</u> các dư tàn trong năm thủ uẩn này, ngã mạn "Tôi là", ngã dục "tôi là", ngã tùy miên "Tôi là" <u>chưa</u> được đoạn tận <u>nay</u> đi đến đoạn trừ.*

28) Khi được nói vậy, các Tỷ-kheo Trưởng lão nói với Tôn giả Khemaka:

- Không phải chúng tôi vì muốn phiền nhiễu Tôn giả Khemaka mà chúng tôi hỏi. Nhưng vì chúng tôi nghĩ rằng: "Tôn giả Khemaka có thể giải đáp, thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai triển, phân tích, hiển lộ một cách rộng rãi <u>giáo lý của Thế Tôn</u>".

29) Và rồi Tôn giả Khemaka đã giải đáp, thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai triển, phân tích, hiển lộ một cách rộng rãi giáo lý của Thế Tôn.

30) Tôn giả Khemaka thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo Trưởng lão hoan hỷ, tín thọ lời Tôn giả Khemaka giảng.

31) Trong khi lời dạy này được nói lên, khoảng sáu mươi Tỷ-kheo được tâm giải thoát khỏi các lậu hoặc, kể cả Tôn giả Khemaka.